



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU PHƯỚC HÒA

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2009**



MỤC LỤC

Thông điệp của Hội đồng quản trị	01
Báo cáo của Ban tổng giám đốc	04
Công ty cổ phần cao su Phước Hòa Quá trình xây dựng và phát triển	15
Tổng quan về công ty cổ phần cao su Phước Hòa	15
Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	15
Lịch sử hình thành	15
Ngành nghề kinh doanh	16
Giới thiệu về công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà	17
Những danh hiệu công ty đạt được trong thời gian qua	17
Sơ đồ cơ cấu tổ chức	18
Cơ cấu cổ đông Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà	19
Cơ cấu cổ đông công ty tại thời điểm 01/03/2010	19
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	21
Báo cáo của Ban kiểm soát	56
Phụ lục	60
Hội đồng quản trị, Ban Giám Đốc, Ban Kiểm Soát, Kế Toán Trưởng	60
Các đơn vị trực thuộc công ty	65
Phụ lục thuyết minh các dự án đầu tư của công ty	68

THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Việt Nam là một trong những quốc gia có sản lượng cao su cao trên thế giới, nguồn lao động rẻ và dồi dào, khí hậu thích hợp với cây cao su nên có lợi thế để phát triển ngành Cao su. Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa là thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam nên Công ty nhận được sự hỗ trợ từ Tập đoàn, đặc biệt về mặt quản lý, cây giống và kỹ thuật canh tác...

Với kinh nghiệm quản lý lâu năm về cây cao su, trang thiết bị chế biến được đầu tư tương đối hiện đại và kỹ thuật khai thác tiên tiến, thương hiệu từng bước đã được khẳng định trên thị trường thế giới đặc biệt là sản phẩm mủ SVR CV, SVR L, SVR 3L. Sản phẩm của Công ty đã có mặt tại thị trường Châu Âu và Châu Á, Mỹ... đây sẽ là nền tảng vững chắc cho Công ty mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu;

Năm 2009, tình hình nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng từng bước có sự hồi phục so với cuối năm 2008. Đặc biệt Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia trên thế giới sớm vượt qua cuộc khủng hoảng. Hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp trong nước tăng trưởng trở lại.

Trong bối cảnh chung đó, đầu năm 2009 các doanh nghiệp ngành cao su gặp rất nhiều khó khăn, khi giá bán cao su dao động khoảng 20 – 22 triệu đồng/tấn, đến giữa năm 2009 khi nền kinh tế toàn cầu có dấu hiệu hồi phục đã tạo điều kiện cho giá cao su tăng trở lại, đến cuối tháng 12 năm 2009 giá bán đạt mức 50 triệu đồng/tấn. Bên cạnh đó, dưới sự điều hành của lãnh đạo công ty và sự đoàn kết, quyết tâm vượt qua khó khăn của tập thể cán bộ công nhân viên, công ty cổ phần cao su Phước Hòa đã hoàn thành và vượt kế hoạch mà đại hội cổ đông đã đề ra.

Năm 2009, công ty đã khai thác được 24.092,17 tấn mủ qui khô, đạt 104,75% chỉ tiêu kế hoạch năm, năng suất vườn cây bình quân đạt 2.04 tấn/ha. Các nông trường đều hoàn thành và vượt kế hoạch công ty giao, trong đó vượt sản lượng cao nhất là nông trường Vĩnh Bình (114,33%), Lai Uyên (112,54%), Nhà Nai (110,1%). Ngoài ra, công ty đã tổ chức tốt việc thu mua 5.430,86 tấn mủ qui khô từ vườn cây hộ khoán và vườn cây tư nhân. Trong năm chế biến được 28.993,04 tấn sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

Năm 2009, công ty đã tiến hành tiêu thụ được 32.393,21 tấn thành phẩm, với giá bán bình quân đạt 31,87 triệu đồng/tấn, trong đó sản phẩm từ vườn cây công ty là 26.962 tấn. Tổng doanh thu từ sản phẩm cao su đạt 1.040 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 343 tỷ đồng. Từ hiệu quả sản xuất kinh doanh, công ty đã chăm lo tốt đời sống người lao động với lương bình quân 4,7 triệu đồng/người/tháng, đồng thời đã nộp ngân sách cho Nhà nước 134 tỷ đồng. Đại hội cổ đông đã quyết định chi trả cổ tức năm 2009 là 20%.

Năm 2010, nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng đang từng bước ổn định và phát triển, chuẩn bị cho giai đoạn tăng trưởng mới. Tuy nhiên vẫn còn không ít khó khăn phía trước. Đối với các doanh nghiệp ngành cao su với sự tái cấu trúc và phát triển trở lại của ngành sản xuất ô tô cộng với vai trò ngày càng lớn của Trung Quốc trong nền kinh tế thế giới, đồng thời, sự ổn định ở mức khá cao của giá dầu thế giới đã tác động tích cực hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành cao su, trong đó có công ty cổ phần cao su Phước Hòa. Bên cạnh đó theo kế hoạch dài hạn, năm 2010 công ty sẽ thanh lý khoảng 800 ha để trồng tái canh cũng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Từ đó, trong năm 2010, dựa trên kế hoạch chung của Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam, Hội đồng quản trị đã xây dựng kế hoạch sản xuất 21.500 tấn, với dự kiến giá bán 40 triệu đồng/tấn và giá thành 27 triệu đồng/tấn, doanh thu từ kinh doanh cao su đạt 1040 tỷ đồng và 349 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế. Dự kiến tỷ lệ chi trả cổ tức trình Đại hội cổ đông quyết định là 20% mệnh giá. Để thực hiện tốt các mục tiêu đã đề ra, cần thực hiện các giải pháp sau:

- Tập trung nghiên cứu và thực hiện tốt các giải pháp kỹ thuật trong khai thác và chế biến để có thể nâng cao năng suất vườn cây một cách tốt nhất (2 tấn/ha) và ổn định nâng cao chất lượng sản phẩm với cơ cấu đa dạng, phù hợp công suất nhà máy công ty;
- Chuẩn bị đất, cây giống, phân bón thật tốt để trồng tái canh kịp thời 812 ha, bảo đảm tỷ lệ sống 100% từ 4 tầng lá trở lên, thâm canh chăm sóc 3.031,18 ha vườn cây KTCB để sớm đưa vào khai thác;
- Tăng cường quản lý và khai thác hiệu quả các dự án Công ty tham gia góp vốn, vừa tạo được thêm lợi nhuận vừa bổ sung nguồn vốn để đầu tư, trong đó có dự án cao su tại Campuchia;

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Chủ động giao hàng kịp thời theo đúng hợp đồng, thỏa mãn nhu cầu của khách hàng, kể cả khách hàng nội địa và quốc tế để nâng cao hiệu quả trong tình hình giá bán dự kiến tốt hơn năm 2009;
- Chủ động thanh lý cao su rải vụn trong năm nhằm vừa tận thu được sản lượng mủ, đồng thời tranh thủ được giá bán cây cao su tốt nhất nhằm nâng cao doanh thu và lợi nhuận;
- Phối hợp các địa phương để thực hiện tốt công tác kiểm tra, bảo vệ để hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng thất thoát mủ cao su khi khai thác;
- Chủ động đào tạo tay nghề khai thác cho số công nhân mới nhằm thay thế số lao động lớn tuổi nghỉ hưu, nghỉ việc (mỗi năm từ 200 – 300 LĐ) Đồng thời tiếp tục tăng cường thực hiện công tác đào tạo để nâng cao hơn nữa năng lực quản lý của bộ máy lãnh đạo, năng lực làm việc của nhân viên khối văn phòng;

Với sự đoàn kết và quyết tâm của tập thể cán bộ công nhân viên, nhất định công ty sẽ hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch mà đại hội cổ đông đề ra, góp phần nâng cao thương hiệu và hình ảnh của Cao su Phước Hòa trên thị trường.

TM. Hội đồng quản trị

Chủ tịch



Nguyễn Văn Tân

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thay mặt 5.825 cán bộ công nhân viên công ty, ban tổng giám đốc gửi đến toàn thể quý cổ đông báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2009 với những kết quả đạt được như sau:

1. Công tác sản xuất kinh doanh.

Công ty chỉ đạo các đơn vị thực hiện tốt công tác tổ chức quản lý ngay từ đầu năm, các nông trường đồng loạt khởi cạo vào ngày 13/4; phối hợp với Công đoàn phát động các phong trào thi đua rèn luyện tay nghề, nâng cao năng suất, sản lượng, chất lượng, vận động công nhân đăng ký cạo ngày chủ nhật từ đầu tháng 6; triển khai làm máng chắn mưa kịp thời, sử dụng thuốc kích thích mủ phù hợp từng miệng cạo; tổ chức tốt việc bón phân 2 lần trên toàn bộ vườn cây khai thác và vườn cây KTCB; có chế độ cạo tận thu phù hợp đối với vườn cây thanh lý. Xác định chế độ cạo thích hợp cho từng vườn cây, tuân thủ quy trình kỹ thuật cạo của Tập đoàn, đề ra các biện pháp quản lý kỹ thuật cạo để tăng năng suất ngay từ đầu vụ. Duy trì tốt việc kiểm tra tay nghề kỹ thuật của công nhân hàng tháng, nhờ vậy tay nghề công nhân luôn ổn định.

Kết quả trong năm 2009, công ty khai thác được 24.092,17 tấn mủ qui khô, đạt 104,75% chỉ tiêu kế hoạch năm, DRC bình quân 29,70; năng suất vườn cây bình quân đạt 2,04 tấn/ha.

Các nông trường đều hoàn thành vượt kế hoạch công ty giao, trong đó vượt sản lượng cao nhất là nông trường Vĩnh Bình (114,33%), Lai Uyên (112,54%), Nhà Nai (110,1%). Ngoài ra, công ty đã tổ chức tốt việc thu mua 5.430,86 tấn mủ qui khô từ vườn cây hộ khoán và vườn cây tư nhân.

Trong năm chế biến được 28.993,04 tấn mủ thành phẩm, cơ cấu sản phẩm gồm có:

Chủng loại	Số lượng (tấn)	Tỉ lệ (%)
SVR L-3L-5	8.383,52	28,92
SVR 10-20	6.991,88	24,12
SVR CV 50-60	10.480,11	36,15
Latex	3.137,53	10,82

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO tiếp tục được duy trì, phát huy tốt trong mọi hoạt động sản xuất, chất lượng sản phẩm ngày càng ổn định và nâng cao.

Báo cáo tình hình hoạt động SXKD 2009

Tổ chức trồng tái canh 774,98 ha với phương pháp trồng bầu cắt ngọn, đến cuối năm tỉ lệ cây sống 100%, trong đó cây đạt 4 tầng lá chiếm tỉ lệ 37%, còn lại đạt vườn cây 5 tầng lá trở lên, trong đó có 9,65% đạt 9 tầng lá.

Chỉ đạo thâm canh chăm sóc 2.559,13 ha vườn cây KTCB. Qua kiểm tra, đánh giá, nhiều vườn cây tăng trưởng vượt mức, đường vanh vượt từ 4cm đến 6cm. Vườn nhân giống và vườn ương bầu được quan tâm chăm sóc nhằm đảm bảo nguồn cây giống trồng tái canh hàng năm trong công ty với các giống cao su mới có năng suất cao.

Công ty chủ động ký kết hợp đồng dài hạn và phương thức kinh doanh năng động tạo mọi điều kiện thuận lợi cho khách hàng nên trong năm giao bán được 32.393,21 tấn thành phẩm, trong đó sản phẩm từ vườn cây công ty là 26.962 tấn.

Doanh thu thành phẩm đạt 1.032.294.382.074 đồng với giá bán bình quân 31.867.607 đồng/tấn. Ngoài ra, công ty tiêu thụ mủ skim 1.077,94 tấn, thu được 7.319.596.752 đồng. Tổng doanh thu từ sản phẩm cao su cả năm đạt 1.039.613.978.826 đồng.

Qua hiệu quả sản xuất kinh doanh, năm 2009 tổng lợi nhuận của công ty đạt 343 tỷ đồng, đạt 149% so với kế hoạch đầu năm.

2. Công tác tài chính.

Thực hiện tốt các biện pháp quản lý giá thành sản phẩm, hạn chế những chi phí không cần thiết trong sản xuất và các mặt công tác khác nhằm tăng lợi nhuận trong sản xuất kinh doanh, tăng thu nhập cho người lao động. Công ty luôn chủ động được nguồn tiền mặt chi trả lương kịp thời cho người lao động, tái đầu tư sản xuất và đầu tư cho các dự án. Công ty hoàn thành tốt nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước 98 tỷ đồng và trích nộp về Tập đoàn theo đúng kế hoạch đề ra.

Chia cổ tức: Trên cơ sở lợi nhuận, công ty đã chi trả cổ tức năm 2009 là 20%.

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2007	2008	2009
1	Doanh thu	Tỷ đồng	1.097	1.268	1.068
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	294	339	260
3	Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.548	1.824	1.840
4	Tổng vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	1.121	879	997
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	26,75%	26,74%	24,34%
	Tỷ suất LNST trên doanh thu VC công ty	%	31,48%	34,63%	30,50%
6	Tỷ suất LNST trên tổng tài sản (ROA)	%	18,96%	18,58%	14,12%
7	Tỷ suất LNST trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	26,19%	38,55%	26,05%
8	Thu nhập trên cổ phiếu (EPS)	đồng		3.492 (*)	3.217
9	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%		22%	20%

(*) : EPS tính 10 tháng năm 2008

3. Hoạt động đầu tư.

Đầu tư vườn cây tái canh và KTCB với tổng số tiền thực hiện là 39,21 tỷ đồng:

Tổ chức trồng tái canh 774,98 ha với phương pháp trồng bầu cắt ngọn, đến cuối năm tỉ lệ cây sống 100%, trong đó cây đạt 4 tầng lá chiếm tỉ lệ 37%, còn lại đạt vườn cây 5 tầng lá trở lên, trong đó có 9,65% đạt 9 tầng lá.



Chỉ đạo thâm canh chăm sóc 2.559,13 ha vườn cây KTCB. Qua kiểm tra, đánh giá, nhiều vườn cây tăng trưởng vượt mức, đường vành vượt từ 4cm đến 6cm. Vườn nhân giống cao su (4,5 ha) và vườn ương bầu (7,75 ha) được quan tâm chăm sóc nhằm đảm bảo cây giống trồng tái canh hàng năm trong công ty với các giống cao su mới.

Đầu tư các công trình XD CB : công ty đã thực hiện đầu tư và sửa chữa theo kế hoạch bao gồm các hạng mục giao thông, kiến trúc, thiết bị phục vụ chế biến... với số tiền 8,3 tỷ đồng (5,8 tỷ từ giá thành). Đặc biệt đã tiếp tục đầu tư 2 hệ thống xử lý nước thải trong năm 2009 ở 2 khu vực với tổng mức đầu tư gần 20 tỷ đồng.

Hoạt động đầu tư vào các dự án:

Công ty tiếp tục góp vốn và tham gia quản lý các dự án đầu tư liên doanh liên kết trong và ngoài ngành cao su với tổng số tiền 286 tỷ đồng, lũy kế tính đến cuối năm 2009 đạt 564 tỷ đồng, trong đó dự án cao su tại Campuchia 150,19 tỷ đồng.

4. Công tác tổ chức và chăm lo đời sống, chế độ chính sách.

Thực hiện tiền lương và chế độ chính sách đối với cán bộ công nhân:

Báo cáo tình hình hoạt động SXKD 2009

Trong năm, tổng số cán bộ công nhân bình quân toàn công ty có 5.825 lao động. Tiền lương cả năm thực hiện 330 tỷ đồng, mức lương bình quân 4.721.030 đồng /người /tháng.

Các đơn vị thực hiện tốt nội quy, qui chế vệ sinh an toàn lao động trong sản xuất, cán bộ công nhân đều nghiêm túc chấp hành. Phối hợp Trung tâm Y tế 3 huyện Tân Uyên, Bến Cát, Phú Giáo chăm lo thường xuyên sức khỏe toàn thể cán bộ công nhân qua việc tổ chức khám định kỳ 2 lần trong năm, trong đó đặc biệt quan tâm đến sức khỏe của lao động nữ. Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được công ty thực hiện đầy đủ. Đặc biệt việc tổ chức ăn giữa ca, bồi dưỡng hiện vật, trang bị bảo hộ lao động được công ty thực hiện tốt với tổng số tiền 22.810.099.762 đồng.

Công ty đã nâng lương 1.140 cán bộ công nhân đến kỳ hạn, giải quyết chế độ thôi việc 370 lao động (thôi việc 192, hưu 173, tuất 5); bổ nhiệm 37 cán bộ các cấp do công ty quản lý (trong đó bổ nhiệm mới 8, bổ nhiệm lại 29). Bên cạnh đó phải xử lý sa thải 12 lao động do vi phạm kỷ luật (lấy cấp mủ).

Chăm lo đời sống văn hóa tinh thần:

Công ty đã cùng các đoàn thể tổ chức chỉ đạo các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT nhằm giải trí và nâng cao sức khỏe cho cán bộ công nhân với tổng kinh phí 168.240.000 đồng. Ngoài ra, đã chi phúc lợi cho cán bộ công nhân tổ chức tham quan du lịch với kinh phí 2.492.520.000 đồng.

Hoạt động kinh tế gia đình và hỗ trợ chính sách xã hội:

Bên cạnh việc chăm lo tiền lương và các chế độ chính sách, từ đầu năm công ty đã phát động phong trào làm kinh tế gia đình trong cán bộ công nhân, kết quả thu nhập từ kinh tế gia đình của cán bộ công nhân đạt bình quân trên 26 triệu đồng/hộ/năm.

Công ty phối hợp với các tổ chức đoàn thể tham gia thực hiện tốt việc phụng dưỡng Mẹ VNAH, thăm hỏi gia đình công nhân gặp khó khăn, các gia đình chính sách, xây dựng nhà tình nghĩa, tình thương... kinh phí được trích từ quỹ phúc lợi. Ngoài ra đã chi ủng hộ đồng bào bị thiên tai, lũ lụt 660.000.000 đồng.

5. Công tác thanh tra, bảo vệ, quân sự & phối hợp địa phương.

Công tác thanh tra và tiếp dân:

Trong năm, công ty đã tổ chức 29 cuộc thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch và chuyên đề, nội dung kiểm tra về việc thực hiện qui chế, qui định của công ty, việc thực hiện các chính sách cho người lao động, đảm bảo thực hiện nghiêm các qui định về dân chủ cơ sở. Trong việc tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, công ty đã tiếp 12 lượt công nhân, trực tiếp nhận 15 đơn thư thắc mắc, khiếu nại của công nhân, nội dung chủ yếu về việc nông trường xử lý kỷ luật, sắp xếp lao động, chấm công, chế độ ăn giữa ca... Công ty đã giải thích thỏa đáng chế độ chính sách đối với người lao động và chỉ đạo các nông trường giải quyết xong vụ việc.

Công tác bảo vệ:

Lực lượng bảo vệ các nông trường, xí nghiệp làm tốt công tác tuần tra, canh gác bảo vệ mủ trên vườn cây và bảo vệ tốt cơ quan, tài sản, kho tàng, nhà máy của đơn vị. Ban Chỉ huy thống nhất hoạt động theo qui chế, được duy trì thường xuyên và phát huy có hiệu quả sự phối hợp của các lực lượng trong công tác bảo vệ tài sản. Kết quả đã phát hiện bắt giao địa phương xử lý 521 vụ việc, với 733 đối tượng (trong đó riêng trộm cắp mủ 506 vụ gồm 714 đối tượng, chiếm tỉ lệ 97%). Tài sản thu hồi lại cho công ty gồm 1.072 lít mủ nước, 905 kg mủ đông, 1.225 kg mủ tạp, 698 kg mủ đất, 20 kg mủ dây và 17,2 m³ củi cao su.

Công tác tự vệ:

Tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn công ty ổn định, không xảy ra vụ việc phức tạp. Ban Chỉ huy Quân sự Công ty triển khai cho tự vệ các nông trường, xí nghiệp kiện toàn tổ chức, biên chế lực lượng hoàn chỉnh, trong đó lực lượng tự vệ luôn đảm bảo quân số thường trực. Các lực lượng phối hợp tuần tra bảo vệ giữ gìn an ninh trật tự xã hội và tài sản công ty, tài sản Nhà nước và nhân dân trên địa bàn. Trong năm, lực lượng tự vệ đã hoàn thành các đợt huấn luyện theo yêu cầu của cơ quan quân sự các cấp, tham gia hội thao quân sự quốc phòng do quân khu 7 tổ chức đạt kết quả tốt. Giải quyết đầy đủ chế độ chính sách để động viên 17 công nhân trúng tuyển thi hành nghĩa vụ quân sự, bố trí việc làm 01 thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về.

Công tác phòng chống cháy nổ:

Công ty chỉ đạo các đơn vị xây dựng các phương án cụ thể và thực hiện nghiêm công tác phòng chống cháy nổ, nhất là vào mùa khô, đảm bảo lực lượng thường trực phòng chống cháy để giải quyết sự cố kịp thời. Quý 1 xảy ra 03 vụ cháy trên vườn cây do kẻ gian phá hoại, 2 vụ được phát hiện và dập tắt kịp thời nên không gây thiệt hại; riêng vụ cháy lô 78 đội 4 nông trường Bó lá với diện tích hơn 4 ha ảnh hưởng đến sinh trưởng và năng suất vườn cây - Công ty đã chỉ đạo khắc phục và tiến hành kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan.

6. Công tác thi đua, khen thưởng.

Các phong trào thi đua trong lao động sản xuất thường xuyên được phát động trong năm như phong trào thi đua hoàn thành kế hoạch sản lượng, luyện tay nghề thi thợ giỏi, phong trào bảo vệ tài sản, phong trào sản xuất sạch nhằm ngày càng nâng cao chất lượng mủ từ vườn cây đến nhà máy, phong trào nâng cao chất lượng vườn cây tái canh và vườn cây kiến thiết cơ bản, phong trào tiết kiệm chi phí... được phát động và có kế hoạch tổ chức từ cấp đội đến nông trường, xí nghiệp, công ty.

Qua kết quả thi đua đã kịp thời khen thưởng cho các tập thể và cá nhân có nhiều thành tích trong các phong trào.

Báo cáo tình hình hoạt động SXKD 2009

Trên cơ sở hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2009 khá tốt, công ty khen thưởng cuối năm cho các tập thể nông trường, xí nghiệp và cán bộ công nhân toàn công ty với tổng tiền thưởng 60 tỷ đồng, mức thưởng bình quân 10 triệu đồng/người.

7. Công tác khác.

Đã chuẩn bị và tổ chức thành công việc niêm yết cổ phiếu công ty (PHR) trên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM. Tổ chức đánh giá chuyển đổi hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và tiếp tục thực hiện các biện pháp cải tiến sau đánh giá. Chỉ đạo tổ chức hội thi an toàn-vệ sinh viên giỏi lần thứ IX ở các nông trường, xí nghiệp, làm tốt công tác tuyên truyền vệ sinh môi trường và phòng chống dịch bệnh trong cán bộ công nhân.

8. Những thiếu sót cần khắc phục.

Bên cạnh những hiệu quả đạt được trong công tác sản xuất kinh doanh và chăm lo đời sống người lao động, quá trình thực hiện nhiệm vụ năm 2009 vẫn còn một số điểm thiếu sót cần phải khắc phục, sửa chữa như sau:

Công tác tuyên truyền giáo dục cán bộ công nhân tuy đã làm thường xuyên nhưng có lúc có nơi chưa tác động sâu đến từng người lao động, đã dẫn đến tình trạng vẫn còn có cán bộ công nhân vi phạm quy chế, trong đó phải sa thải 12 lao động.

Mức độ hoàn thành nhiệm vụ ở các đơn vị chưa đồng đều, Nông trường Cao su Tân Hưng phải điều chỉnh giảm chỉ tiêu sản lượng 2 lần (hơn 11% kế hoạch đầu năm), dẫn đến năng suất vườn cây chỉ đạt 1,7 tấn/ha.

Việc chấp hành quy chế quản lý sản lượng vườn cây thanh lý có đơn vị thực hiện chưa tốt, xảy ra vi phạm phải xử lý kỷ luật.

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2010

Với truyền thống đoàn kết thống nhất và đội ngũ cán bộ nhiều kinh nghiệm, được đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ thường xuyên, cán bộ công nhân có tinh thần trách nhiệm cao, ý thức tổ chức kỷ luật tốt; tay nghề của công nhân luôn được rèn luyện; cơ sở vật chất, máy móc thiết bị được trang bị đầy đủ; hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 được duy trì và phát huy hiệu quả, thương hiệu cao su Phước Hòa tiếp tục được khẳng định. Đặc biệt với sự quan tâm hỗ trợ giúp đỡ của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, của Tỉnh ủy, UBND Tỉnh, các ngành, các địa phương... là những thuận lợi cơ bản giúp công ty nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh đó, với trên 93% diện tích vườn cây đã chuyển sang cạo úp (đa số úp từ năm thứ 6 trở đi), mật độ cây cạo thấp, sản lượng ngày càng giảm do thanh lý vườn cây, thời tiết diễn biến bất thường... Những khó khăn đó sẽ tác động đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010

Với những mặt thuận lợi và khó khăn trên, cán bộ công nhân toàn công ty cần năng động trong hoạt động sản xuất kinh doanh để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch, trước hết là sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách, cổ tức, chăm lo đời sống và thu nhập cho người lao động, tái đầu tư cho sản xuất...

Kế hoạch sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2010
1	Vốn điều lệ	Tr đồng	813.000
2	Sản lượng mỏ khai thác	Tấn	21.500
3	Năng suất vườn cây	Tấn	1,95
4	Sản lượng mỏ thu mua	Tấn	4.000
5	Sản lượng tiêu thụ trong kỳ (có tiêu thụ tồn kho) - Vườn cây công ty : 22.000 tấn - Thu mua : 4.000 tấn	Tấn	26.000
6	Giá bán thành phẩm cao su bình quân /tấn	Tr đồng	40
7	Giá thành tiêu thụ bình quân / tấn	Tr đồng	27
8	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh - Vườn cây công ty : 277.000 - Thu mua : 3.000	Tr đồng	280.000
9	Lãi tiền gửi	Tr đồng	20.000
10	Lãi vay ngân hàng	Tr đồng	23.000
11	Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	Tr đồng	-3.000
12	Lợi nhuận từ hoạt động khác	Tr đồng	47.000
13	Tổng lợi nhuận chịu thuế TNDN	Tr đồng	324.000
14	Thuế TNDN 25%	Tr đồng	81.000
15	Lợi nhuận sau thuế (chưa có LN các dự án)	Tr đồng	243.000
16	Lợi nhuận từ các dự án	Tr đồng	25.000
17	Tổng lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	268.000
18	Trích dự phòng tài chính (5%)	Tr đồng	13.400

Kế hoạch đầu tư năm 2010

19	Trích quỹ đầu tư phát triển (10%)	Tr đồng	26.800
20	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (15%)	Tr đồng	40.200
21	Lợi nhuận còn lại	Tr đồng	187.600
22	Tỷ lệ dự kiến chi trả cổ tức	%	20

Kế hoạch đầu tư năm 2010.

DVT: triệu đồng

S T T	Danh mục đầu tư	Vốn đầu tư toàn dự án	Vốn góp của PHR	Tỷ lệ góp vốn của PHR / vốn đầu tư	Vốn góp lũy kế đến 31.12.09	Kế hoạch góp vốn 2010	Kế hoạch lợi nhuận 2010
I	Góp vốn vào các công ty:	2.991.507	531.136		367.189	131.950	25.000
1.	Công ty CP KCN Nam Tân Uyên	160.000	59.552	37,22%	40.129		8.000
2.	Công ty TNHH Đầu tư CSHT VRG	268.507	77.975	29,04%	79.879		7.500
3.	CTCP Thủy điện Geruco Sông Côn (GĐ1)	300.000	57.000	19%	57.000		5.700
	CTCP Thủy điện Geruco Sông Côn (GĐ2)	300.000	45.000	15%		20.000	
4.	Công ty Cổ phần Cao su Trường Phát	50.000	32.500	65%	6.500	26.000	
5.	Công ty CP đầu tư Sài Gòn VRG	600.000	120.000	20%	72.485	57.500	
6.	Công ty CP Cao su Quasa Geruco Lào	500.000	53.750	10,75%	24.300	10.000	
7.	Công ty CP Cao su TP.HCM	200.000	30.000	15%	10.989	5.000	
8.	Công ty CP Cao su Sơn La	200.000	20.000	10%	20.000		
9.	Công ty CP thủy điện VRG Ngọc Linh	160.000	24.000	15%	7.800	10.000	
10.	Công ty cổ phần VRG Long An	77.000	3.850	5%	400	3.450	
11.	NH TMCP Sài Gòn Hà Nội				35.703		3.000
12.	Công ty Cổ phần chế biến Gỗ Thuận An	104.000	7.280	7%	8.600		500
13.	Công ty Cổ phần Công nghiệp & NXK cao su	50.000	2.030	4%	2.362		200
14.	Công ty Cổ phần Thể thao Ngôi sao Geru	22.000	1.000	5%	1.042		100
II	Các dự án do công ty đầu tư trực tiếp	1.195.000	594.000		196.957	136.000	10.000

Giải pháp thực hiện

1.	Dự án KDC Phước Hoà	70.000	70.000	100%	46.122	5.000	10.000
2.	Công ty TNHH phát triển cao su Phước Hòa Kampong Thom tại Kampuchia	935.000	374.000	100% Vốn tự có: 40% Vốn vay: 60%	150.190	116.000	
3.	Dự án KCN Tân Bình (Bình Dương)	100.000	60.000	60%	645	5.000	
4.	Dự án KDC các nông trường	90.000	90.000	100%		10.000	
	Tổng cộng	4.186.507	1.125.136		564.146	267.950	35.000

Để hoàn thành nhiệm vụ trên, tập thể cán bộ công nhân toàn công ty cần tập trung thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, giải pháp như sau:

1. Về tổ chức quản lý sản xuất:

Tiếp tục sắp xếp lại các đội và bố trí cán bộ theo thực trạng vườn cây khai thác đang giảm dần, bảo đảm quản lý tốt vườn cây khai thác và KTCB, vườn cây tái canh. Từng đơn vị cơ sở phải bố trí phân công lao động hợp lý và ổn định lâu dài trên vườn cây khai thác, thực hiện tốt các biện pháp kỹ thuật như làm máng chắn mưa, kịp thời bồi thuốc kích thích phù hợp tuổi cây và tổ chức tốt việc bón phân 2 lần trong năm nhằm ổn định năng suất và sản lượng khai thác; phấn đấu vượt sản lượng và duy trì năng suất vườn cây 2 tấn/ha. Tổ chức tốt việc trồng tái canh 812 ha, đảm bảo tỷ lệ sống 100% ngay từ năm đầu và thâm canh 3.031,18 ha vườn cây KTCB nhằm rút ngắn thời gian chăm sóc; giao khoán lâu dài vườn cây KTCB ngay từ khi bắt đầu trồng tái canh. Duy trì phong trào thi đua hoàn thành kế hoạch, phong trào rèn luyện nâng cao tay nghề nhằm tăng năng suất vườn cây, năng suất lao động, tăng chất lượng sản phẩm. Nâng cao ý thức trách nhiệm, hiệu quả công tác, đặc biệt xây dựng ý thức tiết kiệm, chống lãng phí ở mọi lĩnh vực nhằm từng bước hạn chế mức tăng giá thành sản phẩm. Triển khai thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tạo điều kiện để từng người công nhân đều được quyền tham gia đóng góp xây dựng đơn vị ngày càng phát triển – đặc biệt là việc công khai sắp xếp giao khoán phân cây, công khai đơn giá tiền lương, cũng như thảo luận và thống nhất các biện pháp để đạt hiệu quả lao động, hiệu quả sản xuất kinh doanh, nhằm ổn định và phát triển công ty, ổn định thu nhập của người lao động, thực hiện tốt nghĩa vụ nộp ngân sách, bảo đảm quyền lợi cho các cổ đông.

2. Chăm lo cho người lao động:

Thực hiện tốt việc chi trả lương, điều tiết tiền lương phù hợp nhằm nâng cao tiền lương cho người lao động. Duy trì tốt chế độ ăn giữa ca, bồi dưỡng hiện vật, quan tâm đến sức khỏe và chế độ chính sách cho người lao động, phối hợp với các trung tâm y tế địa phương chăm sóc sức khỏe định kỳ cho toàn thể cán bộ công nhân. Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa thể dục thể thao nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho người lao

động. Tiếp tục cụ thể hóa qui chế khoán suất đầu tư để khuyến khích người lao động chăm sóc vườn cây thật tốt, rút ngắn thời gian kiến thiết cơ bản. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công nhân nâng cao tay nghề và nghiệp vụ để đạt hiệu quả cao trong công tác sản xuất kinh doanh trong toàn đơn vị.



3. Thực hiện nghiêm chủ trương tiết kiệm, cắt giảm tối đa mọi chi phí không cần thiết. Quản lý chặt chẽ chi phí giá thành trong sản xuất, cố gắng phấn đấu quản lý giá thành dưới 27 triệu đồng/tấn (với giá bán dự kiến 40 triệu đồng/tấn). Hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước và trích nộp về Tập đoàn theo qui định, cố gắng bảo đảm tỉ lệ cổ tức phù hợp hiệu quả sản xuất kinh doanh.

4. Quản lý chất lượng sản phẩm: tiếp tục duy trì tốt hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008. Tìm mọi biện pháp để tận thu mủ nước. Duy trì việc quản lý chất lượng mủ nguyên liệu sạch ngay từ vườn cây khai thác cho đến chất lượng mủ thành phẩm trong quá trình chế biến.

Tổ chức quản lý chặt chẽ công tác thu mua mủ, điều chỉnh giá mủ thu mua linh động và kịp thời, bảo đảm chất lượng mủ thu mua từ vườn cây tư nhân và hộ khoán.

5. Tiêu thụ sản phẩm: chủ động kết hợp giữa hợp đồng dài hạn và hợp đồng bán chuyển, giữa khách hàng nước ngoài với khách hàng nội địa nhằm đạt được giá bán tốt nhất, đảm bảo giao hàng đúng hạn, thực hiện đúng cam kết với khách hàng nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và giữ vững uy tín với khách hàng. Cố gắng sản xuất đến đâu tiêu thụ đến đó, nhằm bảo đảm chăm lo đời sống người lao động và nộp ngân sách.

6. Năng động hơn nữa trong hoạt động kinh doanh chứng khoán nhằm tạo thêm lợi nhuận.

7. Công tác XDGB: chỉ đầu tư các hạng mục hết sức cần thiết phục vụ cho công tác sản xuất kinh doanh và đời sống người lao động. Tập trung trước hết cho đầu tư vườn cây tái canh, kiến thiết cơ bản, khu dân cư. Đôn đốc, giám sát thi công có chất lượng và đúng tiến độ thời gian thi công. Trong quá trình thực hiện phải bảo đảm đúng trình tự xây dựng cơ bản theo qui định, tổ chức và quản lý tốt việc đấu thầu theo đúng luật, đảm bảo tính công khai và khách quan.

8. Đối với vườn cây thanh lý:

- Chủ động kế hoạch thanh lý rải vụ để tăng được doanh thu, lợi nhuận.
- Giao giám đốc nông trường chủ động kế hoạch tận thu đạt hiệu quả cao nhất.
- Tiếp tục giao quyền chủ động cho giám đốc nông trường xây dựng kế hoạch thanh lý vườn cây để đề xuất với công ty trong lộ trình thanh lý 3 năm tiếp theo trên cơ sở thực trạng vườn cây từng nông trường.

9. Chuẩn bị tốt nguồn vốn đầu tư các dự án, đầu tư các hạng mục theo kế hoạch 2010, trong đó tập trung cho vườn cây tái canh, vườn cây kiến thiết cơ bản và dự án phát triển cao su tại Kampuchia, khu công nghiệp và khu dân cư các nông trường.

10. Phối kết hợp với chính quyền địa phương tiếp tục duy trì và phát huy vai trò Ban Chỉ huy thống nhất các cấp nhằm ổn định an ninh trật tự xã hội và bảo vệ an toàn tài sản của đơn vị và người dân trên địa bàn. Xây dựng kế hoạch công tác thanh tra, kiểm tra năm 2010 phù hợp với tình hình thực tế và tổ chức thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra.

Bình Dương, ngày 31 tháng 03 năm 2010

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU PHƯỚC HÒA

“Quá trình xây dựng và phát triển”

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU PHƯỚC HÒA

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Lịch sử hình thành

Tiền thân của Công ty là đồn điền cao su Phước Hòa, sau ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng, đổi tên thành Nông trường Cao su Quốc Doanh Phước Hòa.

Năm 1982, Công ty Cao su Phước Hòa được Tổng cục Cao su Việt Nam thành lập và đến năm 1993, Công ty Cao su Phước Hòa được thành lập lại theo quyết định số 142NN/QĐ ngày 04/03/1993 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & Công nghiệp thực phẩm (nay là Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn), là doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

Từ năm 1993 – 2008, Công ty Cao su Phước Hòa hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 100966 do Sở Kế hoạch – Đầu tư tỉnh Sông Bé cấp ngày 27 tháng 03 năm 1993 và thay đổi lần thứ hai vào ngày 29 tháng 11 năm 2004 do Sở Kế hoạch – Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Ngày 12 tháng 12 năm 2007, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn ban hành quyết định số 399/QĐ-BNN-ĐMDN về việc tiến hành cổ phần hóa Công ty cao su Phước Hòa theo Nghị định 187/2004/NĐ-CP ngày 16.11.2004 của Chính phủ về việc chuyển công ty Nhà nước thành công ty cổ phần, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối trên 50% vốn điều lệ.

Ngày 26 tháng 11 năm 2007, Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam ban hành quyết định số 1194/QĐ-CSVN về việc phê duyệt phương án và chuyển công ty cao su Phước Hòa thành công ty cổ phần.

Ngày 28 tháng 02 năm 2008, Công ty cao su Phước Hòa tiến hành Đại hội cổ đông thành lập công ty cổ phần cao su Phước Hòa.

Ngày 14 tháng 05 năm 2009, công ty cổ phần cao su Phước Hòa nộp hồ sơ niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán TP HCM.

Ngày 24 tháng 06 năm 2009, sở giao dịch chứng khoán TP HCM ban hành công văn số 1167/SGDHCM-NY về việc chấp thuận nguyên tắc cho công ty cổ phần cao su Phước Hòa niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán TP HCM.

Ngày 04 tháng 08 năm 2009, sở giao dịch chứng khoán TP HCM ban hành quyết định số 87/QĐ-SGDHCM về việc niêm yết cổ phiếu công ty cổ phần cao su Phước Hòa tại sở giao dịch chứng khoán TP HCM với mã chứng khoán là PHR.

Ngày 18 tháng 08 năm 2009, công ty cổ phần cao su Phước Hòa chính thức niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán TP HCM.

Hiện nay, Công ty cổ phần Cao su Phước Hòa hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000509 do Sở Kế hoạch – Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 03 tháng 03 năm 2008.

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000509 do Sở Kế hoạch – Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 03 tháng 03 năm 2008, Công ty cổ phần Cao su Phước Hòa hoạt động chính trong những lĩnh vực sau:

- Trồng cây cao su;
- Khai thác, chế biến mủ cao su;
- Bán lẻ xăng dầu;
- Mua bán gỗ cao su;
- Chế biến gỗ cao su;
- Thi công xây dựng và sửa chữa cầu đường, công trình giao thông;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;

PHR – Quá trình xây dựng và phát triển

- Đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu dân cư. Kinh doanh địa ốc, kinh doanh phát triển nhà và các công trình dịch vụ du lịch khu công nghiệp;
- Đầu tư tài chính.

1.3 Giới thiệu về Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà

- Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU PHƯỚC HÒA**
- Tên tiếng Anh: **PHUOC HOA RUBBER JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **PHURUCO**



- Logo:
- Trụ sở : Xã Phước Hòa, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương
- Điện thoại : 84 - 0650 – 3 657106
- Fax: 84 – 0650 – 3 657110
- Website: www.phuruco.vn; www.phuochoa.com.vn
- Email: phuochoarubber@hcm.vnn.vn
- Giấy phép kinh doanh: Số 4603000509 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 03/03/2008.
- Vốn điều lệ: 813.000.000.000 đồng (tương đương 81.300.000 cổ phần)

1.4 Những danh hiệu Công ty Cao su Phước Hoà đạt được trong thời gian qua

- “Anh Hùng Lao Động” thời kỳ đổi mới năm 2005;
- “Huân chương Độc Lập” hạng 2 & 3;
- “Huân Chương Lao Động” hạng 1 & 2 & 3;
- Giải thưởng “Sao Vàng Quốc Tế” năm 1996;
- Giải thưởng “Sao Vàng Đất Việt” năm 2008;
- Bằng khen của Bộ Thương mại về thành tích xuất khẩu năm 2004, 2005, 2006, 2007;
- 4 lần nhận cờ thi đua của Chính Phủ tặng;
- Bộ Công Thương Việt Nam bình chọn doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2005, 2006, 2007, 2008;

PHR – Quá trình xây dựng và phát triển

- **Đoạt Cúp vàng ISO – Chìa khóa hội nhập**, do Bộ Khoa Học Công Nghệ trao;
- 8 sản phẩm chính đạt tiêu chuẩn hàng nông lâm sản Việt Nam chất lượng cao và uy tín thương mại năm 2007, do Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn trao giải
- Giải thưởng “**Doanh nghiệp Hội Nhập và Phát Triển**” năm 2008;
- Giải Bạc “**Chất lượng quốc gia năm 2009**” do Thủ tướng chính phủ trao.

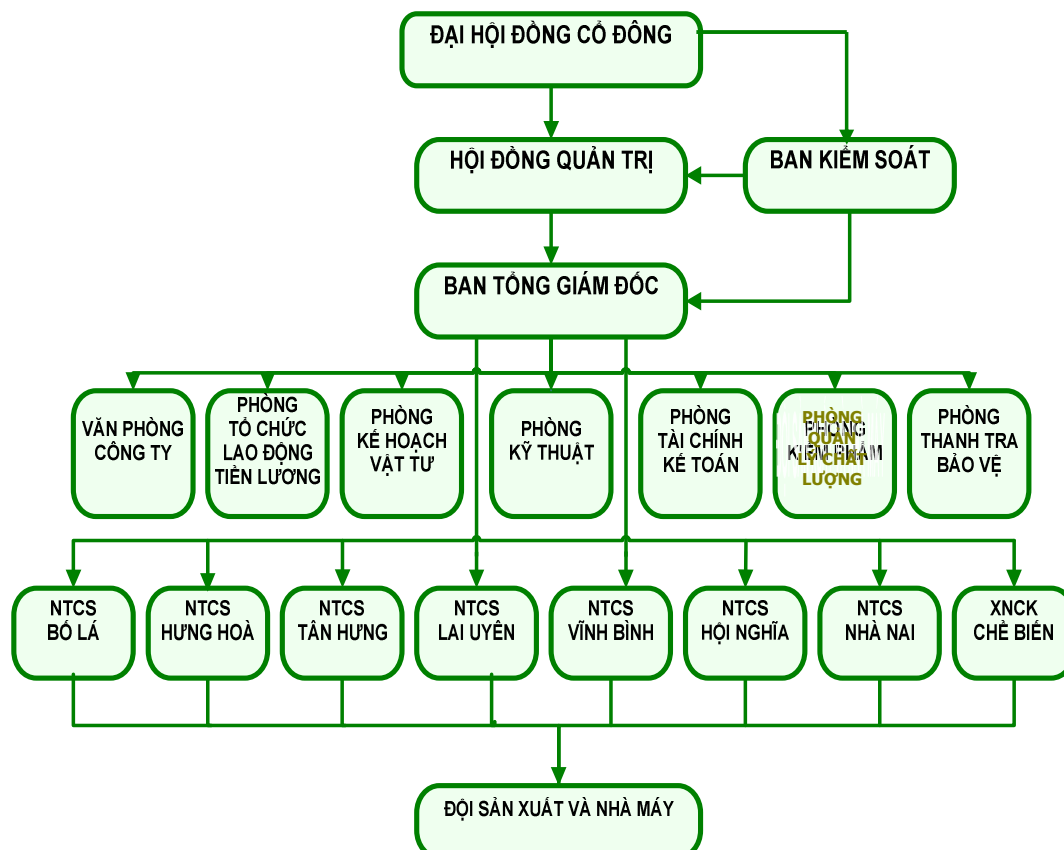


Danh hiệu Anh hùng lao động

Cúp vàng
ISO 2007

Chứng nhận “Giải Bạc chất lượng
quốc gia năm 2009”

2. Sơ đồ tổ chức của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà



Cơ cấu cổ đông

3. Cơ cấu cổ đông công ty tại thời điểm 01/03/2010

	Cơ cấu vốn	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
	Cổ đông chưa lưu ký	223	56.040.513	
1	Cá nhân trong nước	218	735.124	0,90%
	Tổ chức trong nước	3	54.328.406	66,82%
2	Cá nhân nước ngoài	1	5.000	0,00%
	Tổ chức nước ngoài	1	500.000	0,62%
3	Cổ phiếu quỹ		471.983	0,58%
	Cổ đông đã lưu ký	5.547	25.259.487	
1	Cá nhân trong nước	5.493	11.777.083	14,49%
	Tổ chức trong nước	29	7.892.734	8,85%
2	Cá nhân nước ngoài	11	7.560	0,01%
	Tổ chức nước ngoài	14	5.582.110	6,87%
3	Cổ phiếu quỹ		700.000	0,86%
Tổng cộng			81.300.000	100%

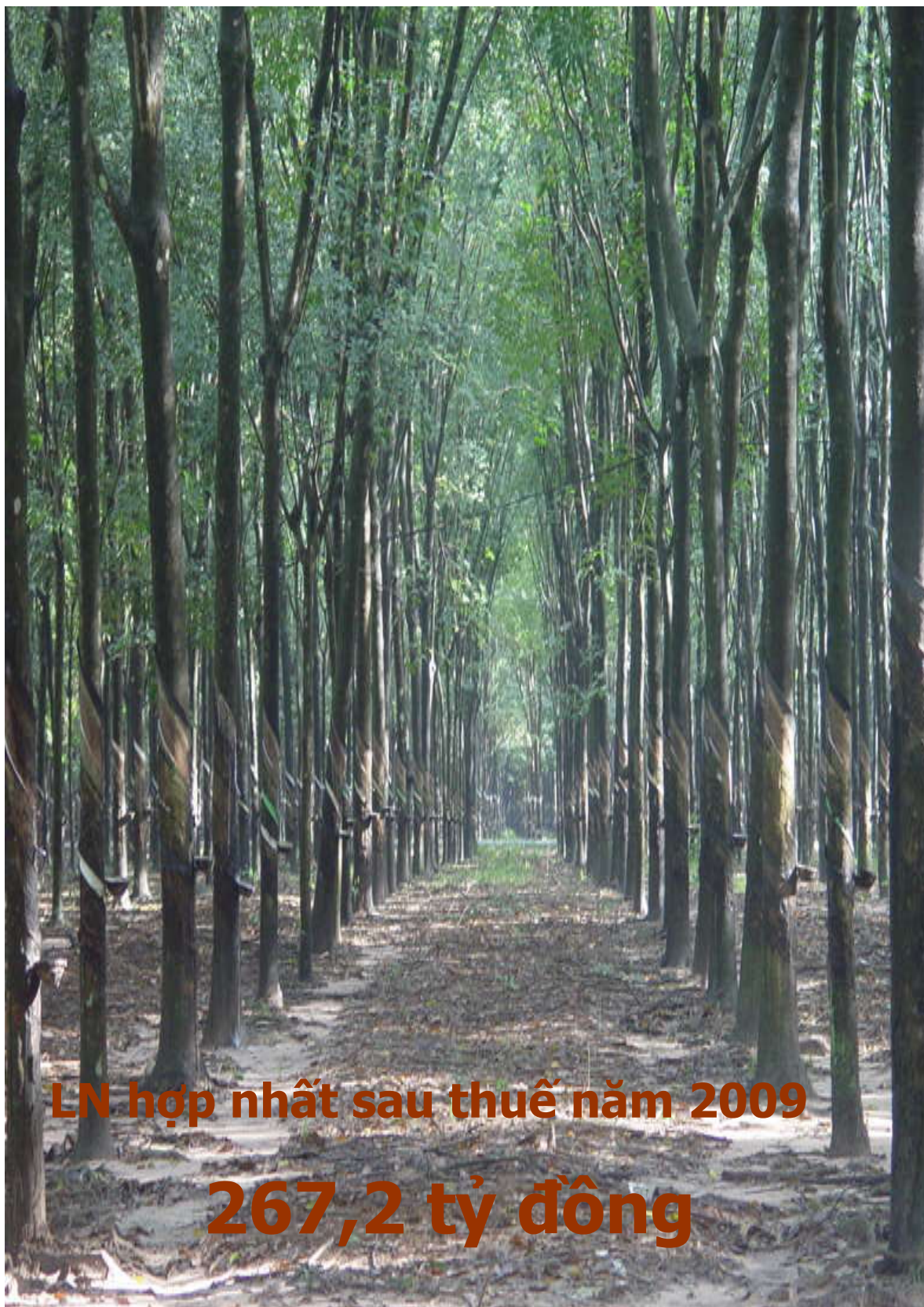
Trong đó:

STT	Tên cổ đông	Số CMND/ Đăng ký KD	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
Cổ đông Nhà nước				
1	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam Địa chỉ : 236 Nam kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, TPHCM. - Ông Nguyễn Văn Tân đại diện 55% - Ông Phạm Văn Thành đại diện 11,62%	4106000341	54.158.406	66,62%

Cổ đông nội bộ

STT	Tên cổ đông	CMND	Số CP sở hữu	Tỷ lệ
Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc				
1	Nguyễn Văn Tân Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	280016743	3.200	0,004%
2	Phạm Văn Thành Ủy viên HĐQT	023138281	5.000	0,006%
3	Lê Phi Hùng UV.HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	280476436	2.400	0,003%
4	Trương Văn Quanh UV.HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	280292921	2.900	0,004%
5	Nguyễn Đức Thắng Ủy viên HĐQT	285000674		
6	Nguyễn Văn Ngọc Phó Tổng giám đốc	280272906	5.700	0,007%
7	Đặng Đôn Cư Phó Tổng giám đốc	280045746	3.200	0,004%
Ban Kiểm Soát				
1	Hồ Mộng Vân	021949081	1.140	0,001%
2	Nguyễn Văn Tước	280348264	2.400	0,003%
3	Vũ Quốc Anh	022228837		
Kế toán trưởng				
1	Dương Văn Khen	280380418	3.000	0,004%

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 đã được kiểm toán bởi AASC



LN hợp nhất sau thuế năm 2009

267,2 tỷ đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2009
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI AASC

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa (được chuyển đổi từ Công ty Cao su Phước Hòa), tên giao dịch quốc tế Phuoc Hoa Rubber Joint Stock Company, tên gọi tắt là PHURUCO hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4603000509 đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 03 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Trồng cây cao su;
- Khai thác và chế biến mủ cao su;
- Bán lẻ xăng dầu;
- Mua bán gỗ cao su;
- Chế biến gỗ cao su;
- Thi công xây dựng và sửa chữa cầu đường, công trình giao thông;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Đầu tư, xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu dân cư;
- Kinh doanh địa ốc;
- Kinh doanh phát triển nhà và các công trình dịch vụ khu công nghiệp;
- Đầu tư tài chính.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Công ty là 813.000.000.000 đồng và được chia thành 81.300.000 cổ phần.

Cơ cấu vốn cổ phần tại ngày 31/12/2009 bao gồm:

TT	Cổ đông	Số vốn	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Tập đoàn Công nghiệp Cao Su Việt Nam	541.584.060.000	54.158.406	66,62%
2	Cổ phiếu quỹ	9.849.830.000	984.983	1,21%
3	Cổ đông khác	261.566.110.000	26.156.611	32,17%
	Cộng	813.000.000.000	81.300.000	100%

Công ty có các nông trường, Xí nghiệp và các Công ty con, Công ty liên kết sau:

Tên	Địa chỉ
Các đơn vị trực thuộc	
Cơ quan Công ty	Xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
Nông trường Bồ Lá	Xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
Nông trường Hưng Hòa	Xã Hưng Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Nông trường Tân Hưng	Xã Tân Hưng, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Nông trường Lai Uyên	Xã Tân Long, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
Nông trường Vĩnh Bình	Xã Bình Mỹ, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Nông trường Hội Nghĩa	Xã Hội Nghĩa, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Nông trường Nhà Nai	Xã Tân Thành, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Xí nghiệp cơ khí Chế biến Xây dựng	Xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
Công ty con	
Công ty Cổ phần Cao su Trường Phát	Xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
Công ty TNHH Phước Hòa Kampongthom	Huyện SanTuk, tỉnh Kampongthom, Campuchia
Công ty liên kết	
Công ty Cổ phần KCN Nam Tân Uyên	Xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Công ty TNHH XD KD CSHT Cao su VN	Xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
Công ty TNHH Đầu tư PH (đầu tư gián tiếp)	Tỉnh Kampongthom, Vương quốc Campuchia

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi AASC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Tân	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Thành	Ủy viên
Ông Lê Phi Hùng	Ủy viên
Ông Trương Văn Quanh	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Thắng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng giám đốc bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Tân	Tổng Giám đốc
Ông Lê Phi Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Văn Quanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Đôn Cư	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát

Ông Hồ Mộng Vân	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Tước	Ủy viên
Ông Vũ Quốc Anh	Ủy viên

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận hợp nhất sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là: 267.214.987.979 đồng

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền

tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Bình Dương, ngày 31 tháng 03 năm 2010

TM. Ban Tổng giám đốc
Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Tân

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi AASC

Số : 94 /2010/BC.KTTC-AASC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN *Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009* *của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa*

Kính gửi: Hội đồng Quản trị , Ban Giám đốc Công ty CP Cao su Phước Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa được lập ngày 31 tháng 03 năm 2010 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 27 đến trang 55 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP.HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2010

CN CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN (AASC)



BÙI VĂN THẢO

Chứng chỉ KTV số : 0522/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN QUANG HUY

Chứng chỉ KTV số : 1126/KTV

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi AASC

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2009 VND
	TÀI SẢN		
100	A . Tài sản ngắn hạn		702.230.386.002
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	VI.1	227.520.418.630
111	1. Tiền		87.520.418.630
112	2. Các khoản tương đương tiền		140.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	VI.2	103.934.716.911
121	1. Đầu tư ngắn hạn		109.262.232.241
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(5.327.515.330)
130	III. Các khoản phải thu		243.001.477.400
131	1. Phải thu của khách hàng		29.048.751.048
132	2. Trả trước cho người bán		125.508.993.489
135	5. Các khoản phải thu khác	VI.3	88.443.732.863
140	IV. Hàng tồn kho	VI.4	124.313.137.621
141	1. Hàng tồn kho		124.313.137.621
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.460.635.440
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		344.670.728
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	VI.5	3.115.964.712
200	B . Tài sản dài hạn		1.166.811.479.860
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-
220	II. Tài sản cố định		676.289.053.925
221	1. Tài sản cố định hữu hình	VI.6	536.216.416.080
222	- Nguyên giá		1.130.883.741.508
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(594.667.325.428)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	VI.7	140.072.637.845
240	III. Bất động sản đầu tư	VI.9	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		399.764.102.394
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	VI.8	142.889.613.964
258	3. Đầu tư dài hạn khác	VI.9	258.725.254.045
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	VI.10	(1.850.765.615)
260	V. Tài sản dài hạn khác		90.758.323.541
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	VI.11	90.758.323.541
269	VI. Lợi thế thương mại	VI.17	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.869.041.865.862

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi AASC

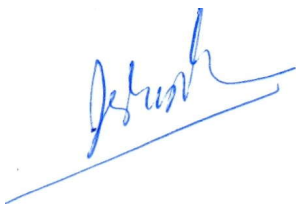
	NGUỒN VỐN		
300	A . Nợ phải trả		706.248.884.509
310	I. Nợ ngắn hạn		698.768.094.509
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	VI.12	68.627.500.000
312	2. Phải trả cho người bán		7.092.744.000
313	3. Người mua trả tiền trước		47.933.501.416
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	VI.13	92.222.825.738
315	5. Phải trả người lao động		134.981.576.474
316	6. Chi phí phải trả	VI.14	2.205.796.719
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	VI.15	345.704.150.162
330	II. Nợ dài hạn		7.480.790.000
334	4. Vay và nợ dài hạn	VI.16	7.480.790.000
400	B . Nguồn vốn chủ sở hữu		1.159.030.806.881
410	I. Nguồn vốn chủ sở hữu	VI.17	1.016.801.794.458
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		813.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		826.480.303
414	3. Cổ phiếu quỹ (*)		(38.838.499.409)
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		6.111.638.884
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		55.755.112.266
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		27.586.076.498
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.591.754.646
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		150.769.231.270
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		142.229.012.423
431	1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		142.229.012.423
439	C. Lợi ích của cổ đông thiểu số		3.762.174.472
500	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.869.041.865.862
	Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán		31/12/2009
	2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	VND	1.759.385.962
	5. Ngoại tệ các loại (USD)	USD	2.073.764,17

Bình Dương, ngày 31 tháng 03 năm 2010

Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc





Nguyễn Thị Lệ Dung

Dương Văn Khen

Nguyễn Văn Tân

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi AASC

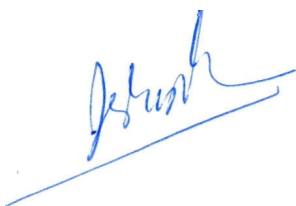
Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2009 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VII.18	1.068.089.972.646
02	2. Các khoản giảm trừ	VII.19	246.404.440
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VII.20	1.067.843.568.206
11	4. Giá vốn hàng bán	VII.21	784.941.013.728
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		82.902.554.478
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VII.22	41.945.731.792
22	7. Chi phí tài chính	VII.23	(59.875.914)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		947.623.368
24	8. Chi phí bán hàng		11.880.366.721
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		51.774.432.754
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		261.253.362.709
31	11. Thu nhập khác	VII.24	123.660.869.323
32	12. Chi phí khác	VII.25	46.989.994.182
40	13. Lợi nhuận khác		76.670.875.141
45	14. Phần lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết, LD	VII.26	13.171.219.302
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		351.095.457.152
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VII.27	83.656.442.117
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	VII.28	
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		267.439.015.035
61	19. Lợi ích của cổ đông thiểu số		224.027.056
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		267.214.987.979
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VII.28	3.309

Bình Dương, ngày 31 tháng 03 năm 2010

Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc





Nguyễn Thị Lệ Dung

Dương Văn Khen

Nguyễn Văn Tân

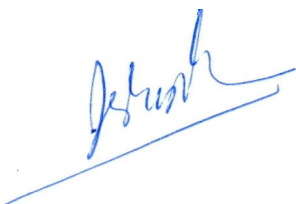
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi AASC

Mã số	Chỉ tiêu	TM	Năm 2009 VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		1.090.348.730.757
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(560.564.263.834)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(393.357.425.699)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(947.623.368)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(48.823.283.560)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		169.627.030.607
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(342.680.981.441)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(86.397.816.538)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản DH khác		(84.326.854.441)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác		119.865.666.260
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(270.849.120.494)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		326.500.454.633
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(70.686.878.459)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.649.653.971
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		23.559.325.581
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		45.712.247.051
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		0
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(20.636.283.039)
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		76.108.290.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		0
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		0
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(119.179.334.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(63.707.327.539)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(104.392.897.026)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		331.903.465.252

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi AASC

61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		9.850.404
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		227.520.418.630

Lập biểu



Nguyễn Thị Lệ Dung

Kế toán trưởng



Dương Văn Khen

Bình Dương, ngày 31 tháng 03 năm 2010

Tổng giám đốc



Nguyễn Văn Tân

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1- Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa (chuyển đổi từ Công ty Cao su Phước Hòa) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4603000509 đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 03 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Công ty là 813.000.000.000 đồng và được chia thành 81.300.000 cổ phần.

Cơ cấu vốn cổ phần tại ngày 31/12/2009 bao gồm:

TT	Cổ đông	Số vốn	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Tập đoàn Công nghiệp Cao Su Việt Nam	541.584.060.000	54.158.406	66,62%
2	Cổ phiếu quỹ	9.849.830.000	984.983	1,21%
3	Cổ đông khác	261.566.110.000	26.156.611	32,17%
	Cộng	813.000.000.000	81.300.000	100%

Công ty có các nông trường, Xí nghiệp và các Công ty con, Công ty liên kết sau:

Tên	Địa chỉ
Các đơn vị trực thuộc	
Cơ quan Công ty	Xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
Nông trường Bồ Lá	Xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
Nông trường Hưng Hòa	Xã Hưng Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Nông trường Tân Hưng	Xã Tân Hưng, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Nông trường Lai Uyên	Xã Tân Long, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
Nông trường Vĩnh Bình	Xã Bình Mỹ, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Nông trường Hội Nghĩa	Xã Hội Nghĩa, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Nông trường Nhà Nai	Xã Tân Thành, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Xí nghiệp cơ khí Chế biến Xây dựng	Xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

Công ty con

Công ty Cổ phần Cao su Xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
Trường Phát

Công ty TNHH Phước Hòa Huyện Santuk, tỉnh Kampongthom, Campuchia
Kampongthom

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần KCN Nam Tân Xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Uyên

Công ty TNHH XD KD CSHT Xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
Cao su VN

Công ty TNHH Đầu tư PH (đầu tư Tỉnh Kampongthom, Vương quốc Campuchia
gián tiếp)

2- Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất, Kinh doanh, khai thác, chế biến mủ cao su; Đầu tư hạ tầng.

3- Ngành nghề kinh doanh

- Trồng cây cao su;
- Khai thác và chế biến mủ cao su;
- Bán lẻ xăng dầu;
- Mua bán gỗ cao su;
- Chế biến gỗ cao su;
- Thi công xây dựng và sửa chữa cầu đường, công trình giao thông;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Đầu tư, xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu dân cư;
- Kinh doanh địa ốc;
- Kinh doanh phát triển nhà và các công trình dịch vụ khu công nghiệp;
- Đầu tư tài chính.

4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31/12/2009, Công ty đã bàn giao vốn cho Công ty TNHH Phước Hòa Kampongthom tại Campuchia số tiền là 150.189.702.791 VND và chuyển công ty TNHH Phước Hòa Kampongthom thành công ty con của Công ty. Công ty TNHH Phước Hòa Kampongthom đang triển khai dự án đầu tư trồng cây cao su tại Kampuchia, tổng diện tích quy hoạch là 9.184 ha, diện tích có khả năng trồng cao su là 8.000 ha. Tổng vốn đầu tư dự kiến là 935 tỷ đồng, trong đó tỷ lệ vốn vay ngân hàng là 60%.

Trong năm Công ty thực hiện mua 523.000 cổ phiếu PHR để làm cổ phiếu quỹ nâng tổng số cổ phiếu quỹ nắm giữ đến thời điểm 31/12/2009 là 984.983 cổ phiếu với giá mua là 38.838.499.409 đồng.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết

Tổng số các công ty con: 02 công ty

- Số lượng các công ty con được hợp nhất: 02 công ty
- Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0 công ty

Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1. Công ty TNHH Phước Hòa Kampongthom	Tỉnh Kampongthom, Vương quốc Campuchia	100,00%	100,00%	Trồng và chế biến cao su
2. Công ty CP Cao su Trường Phát	Huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	65,00%	65,00%	Chế biến gỗ

Tổng số các công ty liên doanh, liên kết: 03 công ty

- Số lượng các công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất: 02 công ty
- Số lượng các công ty liên doanh, liên kết không được hợp nhất: 01 công ty

Danh sách các Công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1. Công ty CP KCN Nam Tân Uyên	Huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	31,73%	33,83%	Đầu tư hạ tầng

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi AASC

2. Công ty TNHH Huyện Phú Giáo, 29,00% 29,00% Đầu tư hạ tầng
XD KD CSHT Cao tỉnh Bình Dương
su Việt Nam

Danh sách các công ty liên kết không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1. Công ty TNHH Đầu tư PH (*)	Tỉnh Kampongthom, Vương quốc Camphuchia	40,00%	40,00%	Đầu tư khai hoang

(*) đầu tư gián tiếp qua Công ty TNHH Phước Hòa Kampongthom

Lý do:

Công ty TNHH Đầu tư PH mới thành lập trong năm 2009, đến thời điểm lập báo cáo hợp nhất chưa có Báo cáo tài chính.

II. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 03/03/2008 và kết thúc vào ngày 31/12/2008.

Kỳ kế toán tiếp theo của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

I. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CƠ SỞ HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, công ty liên doanh đồng kiểm soát trong Báo cáo tài chính hợp nhất được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các báo cáo tài chính tham gia hợp nhất:

1. Báo cáo tài chính riêng năm 2009 của Công ty mẹ được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn bộ.
2. Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty con Công ty TNHH Phước Hòa – Kampongthom chưa được kiểm toán (đang trong giai đoạn đầu tư XD CB).
3. Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty con Công ty CP Cao su Trường Phát chưa được kiểm toán (đang trong giai đoạn XD CB).
4. Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty liên kết Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn bộ.
5. Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty liên kết Công ty TNHH XD KD CSHT Cao su Việt Nam chưa được kiểm toán

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 20 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 08 năm
- Phương tiện vận tải	08 – 10 năm
- Thiết bị quản lý	05 – 08 năm

Khấu hao tài sản cố định là vườn cây cao su được thực hiện theo công văn số 42/TCDN/NV3 ngày 02/02/2005 của Cục Tài chính Doanh nghiệp – Bộ tài Chính V/v điều chỉnh khấu hao vườn cây và công văn số 165/QĐ-TCKT ngày 21/02/2005 của Tổng Công ty Cao su Việt Nam V/v ban hành tỉ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm, cụ thể như sau:

Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)
Năm thứ 1	2,00
Năm thứ 2	2,75
Năm thứ 3	3,50

Năm thứ 4	4,00
Năm thứ 5	4,50
Năm thứ 6	4,25
Năm thứ 7	4,75
Năm thứ 8	5,00
Năm thứ 9	5,25
Năm thứ 10	5,25
Năm thứ 11	7,00
Năm thứ 12	6,75
Năm thứ 13	6,25
Năm thứ 14	5,50
Năm thứ 15	5,25
Năm thứ 16	5,25
Năm thứ 17	5,00
Năm thứ 18	5,75
Năm thứ 19	5,75

Mức khấu hao cho năm cuối cùng (năm thứ 20) được xác định bằng giá trị còn lại của vườn cây của năm khai thác cuối cùng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty liên kết, liên doanh được ghi giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết trên báo cáo tài chính hợp nhất. Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết cũng phải được điều chỉnh khi lợi ích của nhà đầu tư thay đổi do có sự thay đổi trong vốn chủ sở hữu của công ty liên kết nhưng không được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi AASC

Khoản đầu tư khác được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ các khoản đầu tư này phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

7. Nguyên tắc ghi nhận lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần chênh lệch giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại phát sinh khi hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty con được phân bổ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất trong thời gian không quá 10 năm. Phần giá trị còn lại của lợi thế thương mại sau khi trừ đi số phân bổ lũy kế được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh không được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo tài chính hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ vào phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh trong thời gian không quá 10 năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Những khoản chi phí khác thực tế phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều niên độ kế toán.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản

thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

13. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009.

14. Nguyên tắc ghi nhận lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định là phần lợi ích trong kết quả hoạt động thuần và giá trị tài sản thuần của một công ty con tương ứng với các phần lợi ích không phải do công ty mẹ sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các công ty con.

Các khoản lỗ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông thiểu số trong công ty con được hợp nhất có thể lớn hơn số vốn của họ trong công ty con. Khoản lỗ vượt trên phần vốn của các cổ đông thiểu số này được tính giảm vào phần lợi ích của công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp các khoản lỗ đó. Nếu sau đó công ty con có lãi, khoản lãi đó sẽ được phân bổ vào phần lợi ích của công ty mẹ cho tới khi phần lỗ trước đây do công ty mẹ gánh chịu được bồi hoàn đầy đủ

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Lãi chênh lệch giá nghiệp vụ mua bán cổ phiếu của công ty mẹ thực hiện bởi công ty con được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Chi phí đi vay trong kỳ là giá trị thuần của các khoản chi phí đi vay phải trả sau khi giảm trừ hỗ trợ lãi suất sau đầu tư từ Ngân hàng phát triển Việt Nam.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

17. Nguyên tắc ghi nhận phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh

Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh được ghi nhận tương ứng với phần lợi ích trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty liên kết, liên doanh sau khi phân bổ lợi thế thương mại.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

19. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được phân phối theo Quy chế tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa được đại hội cổ đông thông qua và Quyết định số 651/CSPH-QĐ ngày 30/05/2008 có hiệu lực từ ngày 01/06/2008 của Chủ tịch Hội đồng Công ty về việc ban hành quy chế tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa:

Quỹ dự phòng tài chính: Trích 5% lợi nhuận sau thuế để lập quỹ dự phòng tài chính cho năm sau cho đến mức bằng 10% vốn điều lệ; Việc trích lập do Hội đồng quản trị trình đại hội cổ đông phê duyệt.

Quỹ đầu tư phát triển: Trích 10% lợi nhuận sau thuế. Việc trích lập do Hội đồng quản trị trình đại hội cổ đông phê duyệt.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích 15%. Việc trích lập do Hội đồng quản trị trình đại hội cổ đông phê duyệt.

Lợi nhuận còn lại sau khi trừ đi các quỹ trên và chi trả cổ tức được chuyển sang nguồn quỹ dự phòng.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền **31/12/2009**
VND

Tiền mặt	9.181.106.969
Tiền gửi ngân hàng	78.339.311.661
Các khoản tương đương tiền	140.000.000.000

Cộng **227.520.418.630**

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn **31/12/2009**
VND

Đầu tư cổ phiếu (*)	52.271.204.241
Đầu tư ngắn hạn khác (Tiền gửi có kỳ hạn)	37.991.028.000
Góp vốn hợp tác kinh doanh ngắn hạn	19.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn (**)	(5.327.515.330)

Cộng **103.934.716.911**

(*) Cổ phiếu đang được niêm yết trên thị trường chứng khoán tập trung

(**) Chi tiết lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Mã chứng khoán	Số lượng chứng khoán	Giá trị theo sổ kế toán	Đơn giá theo sổ kế toán	Đơn giá theo giá thị trường	Dự phòng giảm giá
GTA	1.398.732	19.956.687.050	14.268	12.000	3.172.324.176
BCC	40.000	687.087.000	17.177	13.000	167.080.000
SCJ	26.000	1.186.747.500	45.644	35.100	274.144.000
CII	30.000	1.867.797.500	62.260	59.000	97.800.000
KBC	40.000	2.934.236.720	73.356	58.000	614.240.000
TTF	20.000	808.605.984	40.430	27.300	262.600.000
PVI	30.000	1.138.304.900	37.943	26.400	346.290.000
ITA	30.000	1.442.160.000	48.072	35.000	392.160.000
ACB	82	3.927.587	47.897	37.200	877.154
SSI	40.000	3.245.650.000	81.141	84.500	-
Cộng		33.271.204.241			5.327.515.330

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi AASC

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2009 VND
Chi phí cổ phần hóa	-
Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.256.104.245
Phải thu lãi trái phiếu	937.272.222
Phải thu lợi nhuận được chia	258.700.000
Phải thu Công ty Chứng khoán Thăng Long	102.535.600
Phải thu dự án Campuchia	1.546.500.000
Phải thu dự án KCN Tân Bình	645.657.636
Cho mượn ngoại tệ các Công ty tại Campuchia	62.793.500.000
Thuế thu nhập cá nhân	656.742.882
Tiền dùng thẻ Mastercard	624.400.000
Phải thu BHXH nộp thừa	2.283.803.008
Phải thu khác	14.338.517.270
Cộng	88.443.732.863
4. Hàng tồn kho	31/12/2009 VND
Nguyên liệu, vật liệu	12.546.837.578
Công cụ, dụng cụ	3.042.376.193
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	51.110.446.822
Thành phẩm	57.613.477.028
Hàng hoá	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	124.313.137.621
5. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2009 VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	7.182.282
Tạm ứng	3.108.782.430
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-
Cộng	3.115.964.712
6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi AASC

TT	Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ dùng trong quản lý	Vườn cây lâu năm	TSCĐ khác	Tổng cộng TSCĐ hữu hình
I	Nguyên giá TSCĐ							
1	Số đầu năm	80.902.506.972	56.173.149.232	42.692.673.667	1.038.964.390	996.333.909.054	40.784.598.887	1.217.925.802.202
2	Tăng trong năm	3.954.424.536	1.583.472.585		25.968.195	1.194.851.896	179.983.174	6.938.700.386
	Do mua sắm		179.110.000		25.968.195			205.078.195
	Do XDCB	3.954.424.536	1.404.362.585			1.194.851.896	179.983.174	6.733.622.191
3	Giảm trong năm					93.980.761.080		93.980.761.080
	Do thanh lý tài sản					93.980.761.080		93.980.761.080
	Giảm khác							
4	Số cuối năm	84.856.931.508	57.756.621.817	42.692.673.667	1.064.932.585	903.547.999.870	40.964.582.061	1.130.883.741.508
II	Hao mòn TSCĐ							
1	Số đầu năm	43.242.051.076	38.239.423.872	19.255.548.348	739.335.756	475.060.916.255	18.652.637.492	595.189.912.799
2	Tăng trong năm	4.937.716.694	4.722.109.889	4.224.354.380	120.653.260	33.460.814.731	2.582.882.277	50.048.531.231
	Do trích khấu hao	4.937.716.694	4.722.109.889	4.224.354.380	120.653.260	33.460.814.731	2.582.882.277	50.048.531.231
3	Giảm trong năm					50.571.118.602		50.571.118.602
	Do thanh lý TSCĐ					50.571.118.602		50.571.118.602
4	Số cuối năm	48.179.767.770	42.961.533.761	23.479.902.728	859.989.016	457.950.612.384	21.235.519.769	594.667.325.428
III	Giá trị còn lại							
1	Số đầu năm	37.660.455.896	17.933.725.360	23.437.125.319	299.628.634	521.272.992.799	22.131.961.395	622.735.889.403
2	Số cuối năm	36.677.163.738	17.933.725.360	19.212.770.939	204.943.569	445.597.387.486	19.729.062.292	536.216.416.080

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi AASC

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		31/12/2009
		VND
Chăm sóc vườn cây cao su kiến thiết cơ bản		125.855.917.491
Hệ thống xử lý nước thải		303.886.197
Kho thành phẩm Bó Lá		-
Đường nhựa từ Công ty qua lô 7 & 8 NT Bó Lá		32.727.273
Công trình nhà máy chế biến gỗ		3.444.186.915
Vườn cây cao su tại Campuchia		9.784.719.969
Mua sắm TSCĐ		651.200.000
Cộng		140.072.637.845
8. Đầu tư vào công ty liên kết	Tỷ lệ kiểm soát	31/12/2009
	31/12/2009	VND
Công ty CP KCN Nam Tân Uyên	33,83%	56.225.982.686
Công ty TNHH XD KD CSHT Cao su Việt Nam	29,02%	82.673.431.278
Công ty TNHH Đầu tư PH (Đầu tư gián tiếp thông qua Công ty con)	40%	3.990.200.000
Cộng		142.889.613.964
9. Đầu tư dài hạn khác	31/12/2009	31/12/2009
	Số lượng CP	VND
Trái phiếu, công trái	-	7.000.000.000
Cổ phiếu Công ty CP Công nghiệp & XNK Cao su (*)	19.900	2.361.981.326
Cổ phiếu Công ty CP Chế biến gỗ Thuận An (*)	562.445	8.600.105.615
Cổ phiếu Công ty CP Geru Sport (*)	100.000	1.041.728.451
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - SHB (*)	2.647.000	35.703.356.000
Góp vốn Công ty CP Thủy điện Gruco Sông Cồn	-	57.000.000.000
Góp vốn Công ty CP Cao su Quasa Geruco Lào	-	24.300.000.000
Góp vốn Công ty CP Cao su TP.HCM	-	10.988.948.000
Góp vốn Công ty CP Cao su Sơn La	-	20.000.000.000
Góp vốn Công ty CP Sài Gòn VRG	-	72.572.962.000
Góp vốn Công ty CP Thủy điện VRG Ngọc Linh	-	7.800.000.000
Góp vốn Công ty CP VRG Long An	-	400.000.000
Hợp tác KD với Công ty Nguyễn Đức	-	10.000.000.000
Đầu tư vườn cây khoán hộ 2001	-	956.172.653
Cộng		258.725.254.045

(*) Các cổ phiếu đang được niêm yết trên thị trường chứng khoán tập trung

10. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn

Tên chứng khoán	Số lượng chứng khoán	Giá trị theo sổ kế toán	Đơn giá theo sổ kế toán	Đơn giá theo giá thị trường	Dự phòng giảm giá
Cổ phiếu CTCP gỗ Thuận An	562.445	8.600.000.000	15.290	12.000	1.850.765.615

11. Chi phí trả trước dài hạn

31/12/2009
VND

Công cụ dụng cụ	20.104.761
Giá trị lợi thế kinh doanh	84.394.566.120
Chi phí trả trước dài hạn khác tại Campuchia	6.343.652.660

Cộng **90.758.323.541**

12. Các khoản vay và nợ ngắn hạn

31/12/2009
VND

Vay ngân hàng (*)	68.627.500.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-
Cộng	68.627.500.000

Số hợp đồng	Bên cho vay	Lãi suất	Thời hạn	Số dư nợ gốc cuối kỳ	Phương thức đảm bảo tiền vay
060-000-278-7/HĐHM-DN/SHB Bình Dương	Ngân hàng SHB - CN Bình Dương	10,5%/ năm	6 tháng	68.627.500.000	Thế chấp tài sản (**)

(**) Thế chấp quyền khai thác mỏ cao su, cây cao su thanh lý, hoa lợi khác và công trình gắn liền trên đất nông trường Nhà Nai của Công ty CP Cao su Phước Hòa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 401773 ngày 29/11/1996.

13. Thuế và các khoản phải thu, phải trả Nhà nước

31/12/2009
VND

Thuế GTGT đầu ra phải nộp	3.178.011.182
Thuế TNDN	81.473.669.387
Thuế thu nhập cá nhân	95.402.110
Thuế nhà đất	7.475.743.059

Cộng **92.222.825.738**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi AASC

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. Chi phí phải trả 31/12/2009 VND

Trích trước chi phí vận chuyển	268.622.171
Trích trước quản lý vườn cây thanh lý, gãy đổ	124.150.316
Trích trước tiền ăn giữa ca, bồi dưỡng độc hại	1.501.119.280
Chi phí phải trả khác	311.904.952

Cộng 2.205.796.719 **15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác** **31/12/2009** VND

Tài sản thừa chờ xử lý	8.197.708
Kinh phí công đoàn	2.982.884.381
Cổ tức phải trả cho cổ đông	23.907.359.600
Phải trả lợi nhuận giai đoạn DNNN về cho Tập đoàn CN CSNV (*)	200.423.845.735
Phải trả về thu mua cao su tiểu điền tại các nông trường	12.423.466.189
Phải trả về Thu hộ tiền CBCNV vay	8.688.616.240
Quỹ hợp vốn CNCNV	23.156.546.000
Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	73.750.000.000
Phải trả về lãi vay	8.311.989
Phải trả khác	354.922.320

Cộng 345.704.150.162

16. Vay và nợ dài hạn 31/12/2009 VND

- Vay dài hạn ngân hàng	7.480.790.000
-------------------------	---------------

Cộng 7.480.790.000

17. Vốn chủ sở hữu

17.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi AASC

Chi tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng vốn chủ sở hữu
1. Số dư đầu năm	813.000.000,000		(18.202.216,370)		28.279.760,702	14.139.880,351		44.695.711,844	881.913.136,527
2. Tăng trong năm		826.480.303	(20.636.283,039)	6.111.638.884	27.475.351,564	13.446.196,147	1.591.754,646	267.253.135,395	296.068.273,900
Tăng vốn trong năm			(20.636.283,039)						(20.636.283,039)
Lợi nhuận tăng trong năm								267.253.135,395	267.214.987,979
Tăng do phân phối lợi nhuận					25.983.195,231	12.991.597,615	1.200.000,000		40.174.792,846
Tăng khác		826.480.303		6.111.638.884	1.492.156,333	454.598,532	391.754,646	38.147,416	9.314.776,114
3. Giảm trong năm									
Trả cổ tức								88.854.306,700	88.854.306,700
Giảm trong năm								72.325.309,269	72.325.309,269
4. Số dư cuối năm	813.000.000,000	826.480.303	(38.838.499,409)	6.111.638.884	55.755.112,266	27.586.076,498	1.591.754,646	150.769.231,270	1.016.801.794,458
17.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu			31/12/2009 VND		01/01/2009 VND				
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam			541.584.060,000		541.584.060,000				
Các Cổ đông khác			261.566.110,000		266.796.110,000				
Cổ phiếu quỹ (*)			9.849.830,000		4.619.830,000				
Cộng			813.000.000,000		813.000.000,000				

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi AASC

17.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận Năm 2009

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
+ Vốn góp đầu năm	813.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-
+ Vốn góp cuối năm	813.000.000.000
Cổ tức đã chia năm 2008	24.248.405.100
Cổ tức đã chia năm 2009 (đợt 1)	64.605.901.600

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị lần 6/2009 số 08/09/NQ-CSPH ngày 23 tháng 9 năm 2009, Công ty công bố việc chi trả cổ tức đợt 1 năm 2009 là 8% mệnh giá

17.4. Cổ phiếu	31/12/2009	01/01/2009
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	81.300.000	81.300.000
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành	81.300.000	81.300.000
+ Cổ phiếu phổ thông	81.300.000	81.300.000
+ Cổ phiếu ưu đãi quyền biểu quyết	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	80.315.017	80.838.017
+ Cổ phiếu phổ thông	80.315.017	80.838.017
+ Cổ phiếu ưu đãi quyền biểu quyết	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	984.983	461.983
+ Cổ phiếu phổ thông	984.983	461.983
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	đ/cổ phần	
	10.000	10.000

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KD HỢP NHẤT

18. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2009 VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	1.043.987.812.964
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	24.102.159.682
Doanh thu cung cấp dịch vụ	
Cộng	1.068.089.972.646

19. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm 2009 VND
Giảm giá hàng bán	246.404.440
Hàng bán bị trả lại	-

Cộng	246.404.440
-------------	--------------------

20. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2009 VND
---	-----------------

Doanh thu thuần thành phẩm, hàng hoá	1.043.741.408.524
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bất động sản	24.102.159.682
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	0
Cộng	1.067.843.568.206

21. Giá vốn hàng bán	Năm 2009 VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	793.897.118.345
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản	11.376.137.407
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(20.332.242.024)
Cộng	784.941.013.728
22. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	21.696.671.715
Lãi trái phiếu chính phủ	617.597.222
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.565.238.200
Lãi bán ngoại tệ	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.715.744.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-
Lãi bán hàng trả chậm	-
Lãi hoạt động kinh doanh chứng khoán	2.350.480.655
Cộng	41.945.731.792
23. Chi phí hoạt động tài chính	Năm 2009 VND
Chi phí lãi vay	947.623.368
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	49.849.124
Lỗ do bán ngoại tệ	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(1.665.261.126)
Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	607.912.720
Cộng	(59.875.914)
24. Thu nhập khác	Năm 2009 VND
Thu nhập từ thanh lý vườn cây cao su	123.346.269.327
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản	20.090.909
Thu nhập khác	294.509.087
Cộng	123.660.869.323
25. Chi phí khác	Năm 2009 VND
Chi phí thanh lý vườn cây cao su	46.910.336.454
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản	0
Chi phí khác	79.657.728
Cộng	46.989.994.182

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi AASC

26. Phần lợi nhuận (lỗ) trong Công ty liên kết, liên doanh Năm 2009 VND

Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên	10.628.090.581
Công ty TNHH XD KD CSHT Cao su Việt Nam	2.543.128.721

Cộng **13.171.219.302**

27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành Năm 2009 VND

Chi phí thuế thu nhập hiện hành của Công ty mẹ	83.506.583.295
Chi phí thuế thu nhập hiện hành của Công ty con	149.858.822

Cộng **83.656.442.117**

28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu Năm 2009 VND

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp **267.214.987.979**

Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông **267.214.987.979**

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu kỳ 80.838.017

Cổ phiếu phổ thông tăng bình quân trong kỳ -

Cổ phiếu phổ thông giảm bình quân trong kỳ (73.066)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ 80.764.951

Lãi cơ bản trên cổ phiếu **3.309**

VIII. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tập đoàn CN Cao su	Công ty mẹ	Bán mủ thành phẩm	66.617.292.778	117.852.980.367
		Phí ủy thác xuất khẩu	1.444.755.832	1.388.625.874
Cty CP Gỗ Thuận An CN Cty CP TMDV và Du lịch Cao su	Cùng tập đoàn	Thu thanh lý cao su	14.893.444.110	-
	Cùng tập đoàn	Bán mủ thành phẩm	5.558.112.000	9.573.102.000

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi AASC

Cty TNHH MTV TM Địa ốc Hồng Phúc	Cùng tập đoàn	Bán mủ thành phẩm	18.780.387.500	19.763.698.560
Cty CP thể thao ngôi sao Geru	Cùng tập đoàn	Bán mủ thành phẩm	3.701.568.000	1.086.624.000
Viện nghiên cứu Cao su Việt Nam	Cùng tập đoàn	Bán mủ thành phẩm	4.393.000	5.321.000
		Chi phí khảo sát	136.049.077	270.275.090
Cty Cao su Dầu Tiếng	Cùng tập đoàn	Mua bao bì	97.000.000	-
Tạp chí Cao su VN	Cùng tập đoàn	Mua vật tư, dịch vụ	694.174.286	985.763.100
Cty CP KT XD CB & địa ốc Cao su	Cùng tập đoàn	Công trình nhà kho	493.188.096	-
Cty CP CN và XNK Cao su	Cùng tập đoàn	Bán cao su thanh lý, mủ cao su	21.075.223.666	
Cty TNHH XD KD Cơ sở Hạ tầng Cao su VN	Cùng tập đoàn	Phí cầu đường	100.227.268	-
Cty Tài chính Cao su	Cùng tập đoàn	Lãi vay	-	196.353.631
Cty CP Cơ khí Cao su	Cùng tập đoàn	Sửa chữa máy ép kiện	635.400.000	907.600.000

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tập đoàn CN Cao su	Công ty mẹ	Phí ủy thác xuất khẩu	9.339.349.917	7.704.918.925
		Lợi nhuận, khoản khác	(223.750.570.535)	(335.687.646.375)
Cty CP ĐT XD Cao su CTCP Công nghiệp & XNK Cao su	Cùng tập đoàn	Chi phí khảo sát	(2.201.091.192)	-
		Ứng tiền bán cao su thanh lý	(59.725.670)	-
Viện nghiên cứu cao su Việt Nam		Chi phí khảo sát, bán mủ cao su	-	1.000.000

(*) Ghi chú: Giá trị khoản phải thu ghi số dương và giá trị khoản phải trả ghi số âm

IX. SỐ LIỆU SO SÁNH

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 được lập cho năm đầu tiên nên không có số liệu so sánh.

Lập biểu

Nguyễn Thị Lệ Dung

Kế toán trưởng

Dương Văn Khen

Bình Dương, ngày 31 tháng 03 năm 2010

Tổng giám đốc



Nguyễn Văn Tân

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT NĂM 2009

1 Kiểm soát hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc công ty về việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2009:

1.1 Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Năm 2009 là một năm rất nhiều khó khăn, thử thách. Tuy nhiên, ngay từ đầu năm, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc công ty đã tổ chức triển khai tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2009 đã thông qua. Cụ thể là các nông trường đồng loạt khởi cạo sớm (ngày 13/4), đề ra các biện pháp quản lý kỹ thuật cạo để tăng năng suất ngay từ đầu vụ, rèn luyện nâng cao tay nghề công nhân, bón phân cho vườn cây đầy đủ và áp dụng các giải pháp kỹ thuật thích hợp để nâng cao sản lượng, chất lượng sản phẩm.

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội cổ đông 2009, diễn biến thực tế của thị trường, HĐQT đã điều chỉnh Kế hoạch SXKD 2009 cho phù hợp với thực tiễn. Ban Tổng giám đốc cũng đã duy trì họp giao ban thường xuyên với các nông trường, xí nghiệp, phòng ban; kiểm soát chặt chẽ tiến độ thực hiện kế hoạch SXKD nên đã thực hiện hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2009, cụ thể là:

STT	Chỉ tiêu	Nghị quyết	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
1	Sản lượng cao su khai thác (Tấn)	23.000	24.092	104,75
2	Giá bán bình quân (Đ/Tấn)	22.000.000	31.867.607	144,85
3	Lợi nhuận bình quân (Đ/Tấn)	5.000.000	7.309.434	146,19
4	Lợi nhuận trước thuế (Tr. Đồng)	225.000	343.338	152,59
5	Lợi nhuận sau thuế (Tr. Đồng)	174.500	259.832	148,90
6	Cổ tức	12%	20%	166,67

1.2 Công tác đầu tư xây dựng cơ bản:

Trong năm 2009 công ty đã thực hiện đầu tư XDCB 41,580 tỷ đồng đạt 77,78% kế hoạch, trong đó:

- Phục vụ cho công tác tái canh và chăm sóc vườn cây là 39,213 tỷ đồng
- Các công trình kiến trúc như nhà kho thành phẩm Bó lá, trạm bơm xử lý nước thải Cuapari, tuyến mương hồ ... là 1,510 tỷ đồng
- Máy móc thiết bị như máy phát điện phục vụ cho nhà máy chế biến, tủ ủ BOD, hệ thống hút chân không ... là 0,857 tỷ đồng.

Công ty đã thực hiện đầu tư những hạng mục thực sự cần thiết cho hoạt động SXKD và thực hiện đúng trình tự thủ tục đầu tư XDCB quy định.

1.3 Công tác đầu tư tài chính:

Trong năm 2009, công ty đã đầu tư tài chính ra bên ngoài doanh nghiệp là 287,676 tỷ đồng, bao gồm:

- Đầu tư vào Công ty con - Dự án trồng 8.000 ha cao su tại Campuchia: 150,189 tỷ đồng (Đến cuối năm 2009 đã khai hoang được 545 ha và đã trồng được 503,45 ha cao su tại Kampongthom, vườn cây sinh trưởng tốt).

- Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết (KCN Nam Tân Uyên; Công ty TNHH Đầu tư hạ tầng VRG giai đoạn 2) là 34,007 tỷ đồng

- Đầu tư dài hạn : 103,480 tỷ đồng. Trong đó đầu tư các dự án : 90,3 tỷ đồng, mua cổ phiếu, cổ phần của đối tác chiến lược là 13,18 tỷ đồng.

Lợi nhuận ròng từ hoạt động đầu tư góp vốn năm 2009 là 8,813 tỷ đồng.

Ngoài ra, công ty cũng tổ chức mua bán chứng khoán kinh doanh với tinh thần thận trọng hơn, nhạy bén hơn trong lựa chọn các mã để kinh doanh và thu được lợi nhuận là 2,350 tỷ đồng.

Năm 2009, công ty cũng đã hoàn nhập khoản dự phòng đầu tư tài chính đã trích lập từ cuối năm 2008 là 3,838 tỷ đồng tức là giảm bớt rủi ro của các khoản đầu tư tài chính của công ty.

1.4 Công tác mua sắm và quản lý vật tư, tài sản:

Công ty đã thực hiện tốt quy chế mua sắm vật tư, công cụ dụng cụ phục vụ cho hoạt động SXKD như tổ chức đấu thầu cung cấp, có kiểm tra chất lượng, số lượng nghiêm túc.

Cuối năm tài chính, công ty đã tiến hành kiểm kê, xác định giá trị thuần của vật tư, tài sản hiện có và đã tiến hành hoàn nhập dự phòng giảm giá 20,332 tỷ đồng đối với số sản phẩm cao su tồn kho cuối năm 2008 theo đúng chuẩn mực kế toán.

1.5 Về tiền lương:

Theo thỏa thuận với Tập đoàn CNCV VN thì trong năm 2009 công ty được trích lập quỹ lương tối đa là 420 đồng/1.000 đồng doanh thu tiêu thụ cao su để chi cho người lao động trong công ty. HĐQT thông qua quỹ lương với đơn giá tiền lương theo sản lượng khai thác, chế biến để phân bổ về cho các đơn vị. Việc phân phối quỹ lương theo đúng qui chế của công ty ban hành và Nghị quyết của HĐQT.

1.6 Thù lao và khen thưởng cho HĐQT và Ban kiểm soát:

Trong năm 2009, Công ty đã chi thù lao và khen thưởng cho các thành viên HĐQT và BKS (08 người) là 415.000.000đ theo đúng Nghị quyết mà Đại Hội đồng cổ đông đã biểu quyết thông qua (chỉ đạt 53,24%)

1.7 Kiểm soát công nợ:

Tổng số công nợ phải thu theo Báo cáo tài chính tính đến thời điểm 31/12/2009 là 133,8 tỷ đồng, trong đó phải thu người mua là 29,048 tỷ đồng.

Quá trình kiểm soát chúng tôi nhận thấy rằng: Công ty đã thực hiện tốt việc đôn đốc thu hồi công nợ, không để phát sinh những khoản công nợ dây dưa, khó đòi. Khoản phải thu người mua chỉ chiếm 21,71% tổng số nợ phải thu. Về công tác đối chiếu công nợ với khách hàng: Tại thời điểm cuối năm tài chính, công ty đã hoàn tất việc đối chiếu công nợ với khách hàng.

1.8 Một số vấn đề khác:

- Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2009, công ty đã lập đầy đủ thủ tục hồ sơ, tổ chức thành công buổi giới thiệu về cổ phiếu của Công ty CP Cao su Phước Hòa với các nhà đầu tư trong và ngoài nước và đã được Ủy ban Chứng khoán nhà nước chấp thuận cho phép niêm yết cổ phiếu Cty CP CS Phước Hòa tại sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM từ ngày 18/8/2009.

- Năm 2009, Công ty đã tiến hành mua lại 523.000 cổ phiếu Cao su Phước Hoà để làm cổ phiếu quỹ theo đúng tinh thần của Nghị quyết HĐQT, tại thời điểm 31/12/2009 số lượng cổ phiếu quỹ là 984.983 cp tương ứng 38,838 tỷ đồng.

- Trong năm 2009, công ty đã thực hiện chia cổ tức đợt I cho các cổ đông bằng 8%/mệnh giá cổ phiếu.

- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2009 do công ty lập và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và Kiểm toán (AASC), Ban kiểm soát nhận thấy:

+ Báo cáo tài chính được lập theo đúng chế độ và các chuẩn mực kế toán Việt Nam và được gửi cho các cơ quan chức năng đúng thời gian quy định.

+ Xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của công ty đến ngày 31/12/2009.

2. Nhận xét và đánh giá:

Ngành sản xuất cao su thiên nhiên phụ thuộc khá nhiều vào thị trường sản xuất ô tô do phần lớn các sản phẩm được sử dụng cho việc sản xuất săm lốp xe. Trong những tháng đầu năm 2009, nền kinh tế thế giới rơi vào khủng hoảng, nhu cầu tiêu thụ xe ô tô trên thế giới sụt giảm hơn 20%, xuống mức thấp nhất trong vòng 27 năm qua kéo theo giá cao su thiên nhiên sụt giảm hơn 50% so với cùng kỳ năm 2008. Tuy nhiên với các chính sách kích cầu và kích thích tiêu dùng của Chính phủ các nước đã làm cho doanh số tiêu thụ xe hơi tăng trở lại vào những tháng cuối năm, tạo tác động tích cực lên giá bán cao su thiên nhiên. Mặt khác, trong năm 2009, Công ty cũng chịu nhiều áp lực của việc tăng giá đầu vào của các vật tư phục vụ sản xuất, khai thác chế biến. Tuy nhiên Công ty đã đạt được kết quả rất khả quan, lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu là 3.217đ. Để có được những thành quả như trên, Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV công ty đã nỗ lực không ngừng, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm chi phí nhằm hạ giá thành sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước, đầu tư hiệu quả ở nhiều lĩnh vực, thực hiện tốt các mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết thông qua.

2.1 Đánh giá công tác điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc công ty:

Hội đồng quản trị điều hành hoạt động Công ty CP Cao su Phước Hòa sâu sát và có hiệu quả, duy trì tổ chức họp HĐQT định kỳ (3 tháng/lần) và đột xuất khi cần thiết, thường xuyên tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để xử lý kịp thời những vấn đề cấp bách liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và tiến độ thực hiện các dự án đầu tư. Hội đồng quản trị luôn đánh giá cao vai trò của Ban kiểm soát

trong bàn bạc thảo luận, đề ra chủ trương thực hiện nhiệm vụ của công ty cũng như trong quá trình điều hành công ty, nên đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát thực thi trách nhiệm và quyền hạn theo Điều lệ Công ty.

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc công ty tùy theo lĩnh vực được phân công đã chung sức điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2009 đạt và vượt kế hoạch đề ra; chấp hành và thực hiện tốt các Nghị quyết của HĐQT, đảm bảo đời sống cho CBCNV toàn công ty.

2.2 Đánh giá công tác kiểm soát:

Ban kiểm soát gồm 3 thành viên, trong đó có 1 Trưởng ban, hoạt động kiêm nhiệm, không có thành viên chuyên trách. Trong năm 2009, hoạt động kiểm soát chủ yếu kiểm tra về tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình chấp hành chính sách chế độ kế toán, kiểm soát tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết HĐQT.

Đánh giá chung: Mặc dù hạn chế về thời gian do hoạt động kiêm nhiệm nhưng Ban kiểm soát vẫn thực hiện hoàn thành nhiệm vụ giám sát hoạt động của công ty đúng pháp luật và có hiệu quả, đặc biệt là giám sát công tác đầu tư chăm sóc, khai thác trên vườn cây cao su (năng lực sản xuất chính của công ty). Các thành viên của Ban kiểm soát luôn tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, thường xuyên trao đổi nghiệp vụ chuyên môn và hỗ trợ kế toán trưởng công ty trong điều hành công tác tài chính kế toán của công ty.

Ông Nguyễn Văn Tân

**Chủ tịch Hội đồng quản trị
Kiêm Tổng giám đốc công ty**

Tham gia vào công ty từ năm 1990, ông đã đảm nhiệm các vị trí chủ chốt như phó chánh văn phòng, trưởng phòng tổ chức lao động tiền lương, phó giám đốc công ty, giám đốc công ty cao su Phước Hòa.

Với kinh nghiệm lãnh đạo, kiến thức về ngành và lòng nhiệt huyết cống hiến. Ông đã lãnh đạo công ty gặt hái được nhiều thành công, đưa thương hiệu Cao su Phước Hòa ngày càng có uy tín trên thị trường. Hiện tại, ông đang giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc công ty cổ phần cao su Phước Hòa.



Ông Phạm Văn Thành

Ủy viên Hội đồng quản trị

Là người có nhiều năm kinh nghiệm trong tập đoàn, ông đang giữ chức vụ Trưởng ban kế hoạch & đầu tư của Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam và kiêm nhiệm Chủ tịch hội đồng quản trị, thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát một số công ty có vốn đầu tư của Tập đoàn.

Hiện tại ông đang kiêm nhiệm chức vụ Ủy viên Hội đồng quản trị công ty cổ phần cao su Phước Hòa.



Ông Lê Phi Hùng

Ủy viên Hội đồng quản trị

Kiểm Phó tổng giám đốc thường trực

Là người có kinh nghiệm lâu năm trong ngành cao su, ông tham gia vào công ty từ năm 1983. Ông đã giữ nhiều vị trí lãnh đạo tại các nông trường trực thuộc của công ty như Giám đốc các Nông trường Vĩnh Bình, Nông trường Nhà Nai, Nông trường Tân Hưng; chuyên gia kỹ thuật cao su tại Campuchia, phó phòng kỹ thuật, Trưởng phòng kỹ thuật, Phó giám đốc công ty cao su Phước Hòa. Ông tham gia quản lý tại các dự án công ty đầu tư góp vốn như dự án thủy điện Sông Côn, dự án cao su Sơn La, dự án cao su Quasa Geruco Lào,...



Hiện tại, Ông đang giữ chức vụ Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm phó tổng giám đốc công ty cổ phần cao su Phước Hòa.

Ông Trương Văn Quanh

Ủy viên Hội đồng quản trị

Kiểm phó tổng giám đốc công ty

Ông tham gia vào công ty từ năm 1978, là người gắn bó lâu năm với công ty. Ông đã đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo trong công ty như phó bí thư đoàn thanh niên, bí thư đoàn thanh niên, chủ tịch công đoàn, phó bí thư đảng ủy, phó giám đốc công ty cao su Phước Hòa. Ông tham gia quản lý tại các dự án công ty đầu tư góp vốn như dự án khu công nghiệp Nam Tân Uyên, dự án BOT đường ĐT 741,...



Hiện tại ông đang giữ chức vụ Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó tổng giám đốc công ty cổ phần cao su Phước Hòa.

Ông Nguyễn Đức Thắng
Ủy viên Hội đồng quản trị

Ông Thắng đang giữ chức vụ Giám đốc đầu tư kiêm phó giám đốc chi nhánh TPHCM công ty chứng khoán Thăng Long. Ông đang tham gia hội đồng quản trị và ban kiểm soát tại một số công ty như công ty CP thực phẩm Cholimex, công ty CP đầu tư Việt Phát, công ty CP An Phú Bình Dương, công ty CP Phú Tài.

Hiện tại ông đang kiêm nhiệm chức vụ Ủy viên Hội đồng quản trị công ty CP cao su Phước Hòa.



Ông Nguyễn Văn Ngọc
Phó tổng giám đốc

Ông tham gia vào công ty từ năm 1991, ông đã đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo như Phó phòng tổ chức lao động tiền lương, trưởng phòng tổ chức lao động tiền lương, phó giám đốc công ty cao su Phước Hòa. Ông tham gia quản lý một số dự án công ty tham gia góp vốn như CTCP chế biến gỗ Thuận An, công ty CP cao su Trường Phát, Dự án thủy điện Ngọc Linh,...

Hiện tại ông đang giữ chức vụ phó tổng giám đốc công ty cổ phần cao su Phước Hòa.



Ông Đặng Đôn Cư
Phó tổng giám đốc

Ông tham gia vào công ty từ năm 1982, Ông đã giữ nhiều vị trí lãnh đạo của các nông trường trực thuộc như giám đốc các nông trường Vĩnh Bình, nông trường Tân Hưng, Phó giám đốc công ty cao su Phước Hòa. Ông đang phụ trách dự án trồng cao su tại Kampuchia của công ty.

Ông đang giữ chức vụ phó tổng giám đốc công ty cổ phần cao su Phước Hòa.



Ông Hồ Mộng Vân **Trưởng ban kiểm soát**

Ông Hồ Mộng Vân là Phó ban tài chính kế toán Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam. Ông là người có kinh nghiệm quản lý công tác tài chính trong ngành cao su. Ông đang phụ trách công tác kiểm tra tài chính ngành cao su. Ông đang kiêm nhiệm thành viên ban kiểm soát tại các dự án có vốn góp của tập đoàn.

Hiện tại ông đang kiêm nhiệm chức vụ Trưởng ban kiểm soát tại công ty cổ phần cao su Phước Hòa.



Ông Nguyễn Văn Tước **Thành viên ban kiểm soát**

Ông tham gia công ty từ năm 1982, ông Tước đã đảm nhiệm một số chức vụ lãnh đạo tại nông trường cao su Nhà Nai trực thuộc công ty như trợ lý kế toán, phó giám đốc nông trường, giám đốc nông trường.

Hiện tại ông đang giữ chức vụ Giám đốc nông trường cao su Nhà Nai, kiêm nhiệm thành viên ban kiểm soát tại công ty cổ phần cao su Phước Hòa.



Ông Vũ Quốc Anh

Thành viên ban kiểm soát

Ông Anh đang giữ chức vụ Phó phòng tài chính kế toán công ty cổ phần công nghiệp cao su Miền Nam (Casumina).

Ông đang kiêm nhiệm chức vụ thành viên ban kiểm soát tại công ty cổ phần cao su Phước Hòa.



Ông Dương Văn Khen

Kế toán trưởng

Ông Khen là người có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực tài chính, kế toán tại công ty. Ông đảm nhiệm chức vụ kế toán trưởng kiêm trưởng phòng tài chính kế toán công ty từ năm 1989. Ông đang tham gia ban kiểm soát tại các dự án công ty có vốn góp đầu tư như dự án thủy điện Sông Côn, dự án BOT ĐT 741,...

Hiện tại ông đang giữ chức vụ Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng tài chính kế toán công ty cổ phần cao su Phước Hòa.

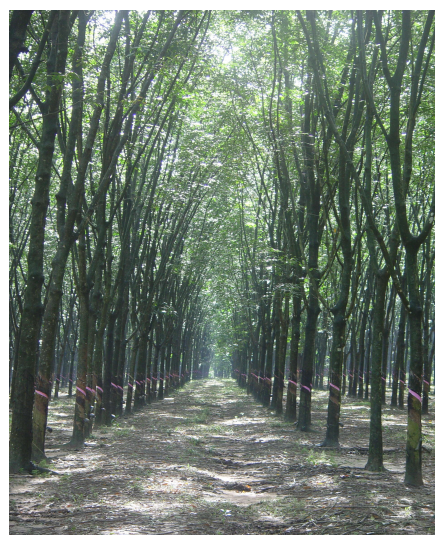


STT	Đơn vị
1	NÔNG TRƯỜNG CAO SU BỐ LÁ
	Trụ sở: Xã Phước Hòa, H. Phú Giáo, Bình Dương; ĐT: 0650 – 3 657 161 Trồng, chăm sóc và khai thác mủ cao su. Nông trường hiện nay quản lý 1.554,92 ha cao su bao gồm 1.111,02 ha cao su kinh doanh và 443,90 ha cao su kiến thiết cơ bản
2	NÔNG TRƯỜNG CAO SU HƯNG HOÀ
	Trụ sở: Xã Hưng Hòa, H. Bến Cát, Bình Dương; ĐT: 0650 – 3 563 511 Trồng, chăm sóc và khai thác mủ cao su. Nông trường hiện nay quản lý 2.542,07 ha cao su bao gồm 1.788,77 ha cao su kinh doanh và 753,30 ha cao su kiến thiết cơ bản
3	NÔNG TRƯỜNG CAO SU TÂN HƯNG
	Trụ sở : Xã Tân Hưng, H. Bến Cát, Bình Dương; ĐT: 0650 – 3 563 531 Trồng, chăm sóc và khai thác mủ cao su. Nông trường hiện nay quản lý 2.812,63 ha cao su bao gồm 2.006,36 ha cao su kinh doanh và 806,27 ha cao su kiến thiết cơ bản
4	NÔNG TRƯỜNG CAO SU LAI UYÊN
	Trụ sở: Xã Tân Long, H. Phú Giáo, Bình Dương; ĐT: 0650 – 3 660 593 Trồng, chăm sóc và khai thác mủ cao su. Nông trường hiện nay quản lý 1.960,35 ha cao su bao gồm 1.661,61 ha cao su kinh doanh và 293,74 ha cao su kiến thiết cơ bản
5	NÔNG TRƯỜNG CAO SU VĨNH BÌNH
	Trụ sở: Xã Bình Mỹ, H. Tân Uyên, Bình Dương;

Các đơn vị trực thuộc công ty

	ĐT: 0650 – 3 684 030 Trồng, chăm sóc và khai thác mủ cao su. Nông trường hiện nay quản lý 1.669,55 ha cao su bao gồm 1.262,57 ha cao su kinh doanh và 406,98 ha cao su kiến thiết cơ bản
6	NÔNG TRƯỜNG CAO SU HỘI NGHĨA
	Trụ sở: Xã Hội Nghĩa, H. Tân Uyên, Bình Dương; ĐT: 0650 – 3 640 221 Trồng, chăm sóc và khai thác mủ cao su. Nông trường hiện nay quản lý 2.086,98 ha cao su bao gồm 1.647,01 ha cao su kinh doanh và 439,97 ha cao su kiến thiết cơ bản
7	NÔNG TRƯỜNG CAO SU NHÀ NAI
	Trụ sở: Xã Tân Thành, H. Phú Giáo, Bình Dương; ĐT: 0650 – 3 682 026 Trồng, chăm sóc và khai thác mủ cao su. Nông trường hiện nay quản lý 2.499,98 ha cao su bao gồm 2.310,03 ha cao su kinh doanh và 189,95 ha cao su kiến thiết cơ bản
8	XÍ NGHIỆP CƠ KHÍ CHẾ BIẾN XÂY DỰNG
	Trụ sở: Xã Phước Hòa, H. Phú Giáo, Bình Dương ĐT: 0650 – 3 657 112 Bao gồm 03 nhà máy chế biến mủ cao su:
8.1	NHÀ MÁY CHẾ BIẾN BỐ LÁ
	Trụ sở: Xã Phước Hòa, H. Phú Giáo, Bình Dương Chế biến mủ cao su. Năng suất nhà máy là 6.000 tấn/năm, gồm 1 dây chuyền sơ chế mủ cốm (6.000 tấn/năm)
8.2	NHÀ MÁY CHẾ BIẾN MỦ LY TÂM
	Trụ sở: Xã Phước Hòa, H. Phú Giáo, Bình Dương Chế biến mủ cao su. Năng suất nhà máy là 3.000 tấn/năm

8.3	NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CUA PARIS
	Trụ sở: Xã Chánh Phú Hoà, H. Bến Cát, Bình Dương Chế biến mủ cao su. Năng suất nhà máy là 18.000 tấn/năm, gồm 2 dây chuyền sơ chế mủ cốm (12.000 tấn/năm) và 1 dây chuyền sơ chế mủ tạp (6.000 tấn/năm)



1. Dự án trồng cao su tại Campuchia.

Tên công ty:	Công ty TNHH phát triển cao su Phước Hòa Kampong Thom
Địa chỉ :	huyện Santuk, tỉnh Kampong Thom, Campuchia.
Vốn đầu tư:	935 tỷ
Tỷ lệ vốn góp so với VĐT :	100% (40% từ quỹ đầu tư phát triển; 60% vốn vay)

Ngành nghề kinh doanh : Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su.

- Tổng diện tích được giao của dự án là 9.184 ha. (trong đó diện tích trồng cao su khoảng 8.000 ha)
- Đến 31.12.2009 công ty đã đầu tư 150,190 tỷ đồng
- Hiện tại, công ty đang tiến hành khai hoang, năm 2009 công ty đã trồng mới 503ha. Kế hoạch đến năm 2013 sẽ hoàn thành công tác trồng 8.000 ha cao su.

2. Dự án công ty chế biến gỗ.

Tên công ty:	Công ty Cổ phần Cao su Trường Phát
Địa chỉ :	xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.
Vốn điều lệ:	50 tỷ
Tỷ lệ vốn góp so với VDL :	65%

- Công ty Cổ phần Cao su Trường Phát được thành lập ngày 12/09/2007 với ngành nghề kinh doanh chính là khai thác và chế biến gỗ.
- Tới ngày 31/12/2009, tổng vốn đầu tư lũy kế của Công ty CP Cao su Phước Hoà vào Công ty CP Cao su Trường Phát là 6,5 tỷ đồng.
- Tiến độ thực hiện dự án có chậm là do vướng mặt thủ tục thuê đất với UBND tỉnh Bình Dương. Hiện tại, công ty đang hoàn thành các hạng mục giai đoạn 1. Dự kiến khoảng tháng 06.2010 sẽ tiến hành đi vào sản xuất ở khâu sơ chế gỗ.

3. Dự án khu công nghiệp Nam Tân Uyên.

Tên công ty:	Công ty cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên
Địa chỉ :	xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
Vốn điều lệ:	160 tỷ
Tỷ lệ vốn góp so với VDL :	37,22%
- Số vốn góp đến thời điểm 31.12.2009 : 40,129 tỷ đồng - Ngành nghề kinh doanh : Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp; Thi công công trình công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, giao thông cầu đường; san lấp mặt bằng, kinh doanh nhà ở, cho thuê văn phòng; Trồng và khai thác, chế biến, kinh doanh nguyên liệu, sản phẩm gỗ rừng trồng; kinh doanh dịch vụ bến cảng, ủy thác xuất nhập khẩu; kinh doanh nhà hàng khách sạn; đầu tư tài chính. - Hiện tại công ty CP KCN Nam Tân Uyên đang trong giai đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh. Năm 2009, tỷ lệ chi trả cổ tức là 20% - Dự án KCN Nam Tân Uyên mở rộng (GĐ2) đang triển khai.	
4. Dự án BOT đường ĐT 741.	
Tên công ty:	Công ty TNHH đầu tư hạ tầng VRG
Địa chỉ :	Xã Phước Hoà, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
Vốn điều lệ:	268,507 tỷ
Tỷ lệ vốn góp so với VDL :	29,04%
- Số vốn góp đến thời điểm 31.12.2009 : 79,879 tỷ đồng - Ngành nghề kinh doanh: Đầu tư các dự án giao thông và xây dựng theo phương thức BOT và các ngành dịch vụ khác. - Hiện tại công ty đang trong giai đoạn hoạt động kinh doanh.	
5. Dự án thủy điện Sông Côn	
Tên công ty:	Công ty cổ phần thủy điện GERUCO Sông Côn
Địa chỉ :	Thôn Ngọc Vinh, xã Điện Ngọc, Điện Bàn, Quảng Nam.

Các dự án công ty đầu tư

Vốn điều lệ:	300 tỷ
Tỷ lệ vốn góp so với VDL :	19%
- Số vốn góp đến thời điểm 31.12.2009 : 57 tỷ đồng - Ngành nghề kinh doanh: Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành sản xuất và kinh doanh điện năng; tư vấn đầu tư xây dựng dự án thủy điện, nhận thầu xây dựng các công trình dân dụng, thủy lợi, thủy điện, bến cảng, cầu cảng, công trình đường bộ, sân bay; công trình đường điện và trạm biến điện; thi công công trình cấp thoát nước; kinh doanh nhà ở, văn phòng cho thuê; kinh doanh bất động sản; kinh doanh dịch vụ khách sạn, xuất nhập khẩu hàng nông sản, thực phẩm. - Hiện tại công ty đang trong giai đoạn phát điện.	
6. Dự án khu công nghiệp Củ Chi	
Tên công ty:	Công ty cổ phần đầu tư Sài Gòn VRG
Địa chỉ :	Huyện Củ Chi, TPHCM
Vốn điều lệ:	600 tỷ
Tỷ lệ vốn góp so với VDL :	20%
- Số vốn góp đến thời điểm 31.12.2009 : 72,485 tỷ đồng - Hiện tại dự án đang trong giai đoạn triển khai dự án.	
7. Dự án trồng cao su tại tỉnh Sơn La	
Tên công ty:	Công ty cổ phần cao su Sơn La
Địa chỉ :	Tỉnh Sơn La.
Vốn điều lệ:	200 tỷ
Tỷ lệ vốn góp so với VDL :	10%
- Số vốn góp đến thời điểm 31.12.2009 : 20 tỷ đồng - Ngành nghề kinh doanh: Trồng cây cao su và sơ chế mủ cao su; dịch vụ hỗ trợ trồng mới, trồng rừng; chăn nuôi gia súc, chế biến gỗ, đại lý mua bán phân bón, xuất nhập khẩu cao su.	

- Hiện tại công ty đang trong giai đoạn triển khai dự án. Đến 31.12.2009 công ty đã trồng diện tích khoảng 4.198 ha

8. Dự án trồng cao su tại Lào

Tên công ty:	Công ty cổ phần cao su Quasa Geruco Lào
Địa chỉ :	TX Đông Hà, tỉnh Quảng Trị
Vốn điều lệ:	500 tỷ
Tỷ lệ vốn góp so với VDL :	10,75%

- Số vốn góp đến thời điểm 31.12.2009 : 24,3 tỷ đồng

- Ngành nghề kinh doanh: Trồng mới và chăm sóc cao su; Tiêu thụ sản phẩm cao su; kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ khách sạn, nhà hàng; kinh doanh bất động sản; chăn nuôi, xuất nhập khẩu cao su.

- Hiện tại công ty đang trong giai đoạn triển khai dự án. Diện tích đã trồng đến 31.12.2009 : 4.211,52 ha. Kế hoạch năm 2010 trồng mới khoảng 2.100 ha

9. Dự án trồng cao su tại Lào

Tên công ty:	Công ty cổ phần cao su TPHCM
Địa chỉ :	TPHCM
Vốn điều lệ:	200 tỷ
Tỷ lệ vốn góp so với VDL :	15%

- Số vốn góp đến thời điểm 31.12.2009 : 10,989 tỷ đồng

- Ngành nghề kinh doanh: Khai hoang, trồng mới, chăm sóc, khai thác, chế biến và mua bán các sản phẩm từ cây cao su. Sản xuất mua bán, chế biến nông lâm sản xuất khẩu.

- Hiện tại công ty đang trong giai đoạn triển khai dự án. Diện tích đã trồng đến 31.12.2009 : 923,89 ha

10. Dự án thủy điện tại Kontum

Tên công ty:	Công ty cổ phần thủy điện VRG Ngọc Linh
--------------	--

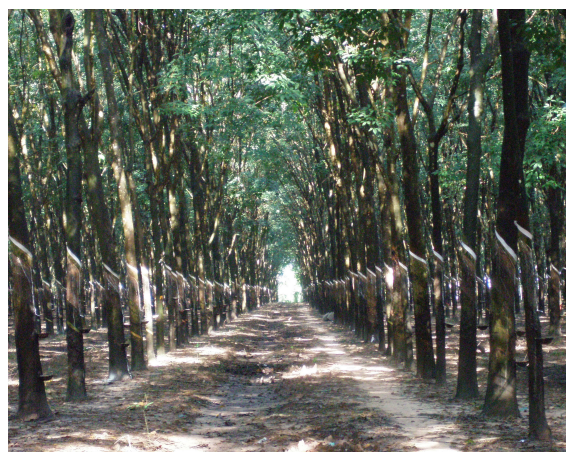
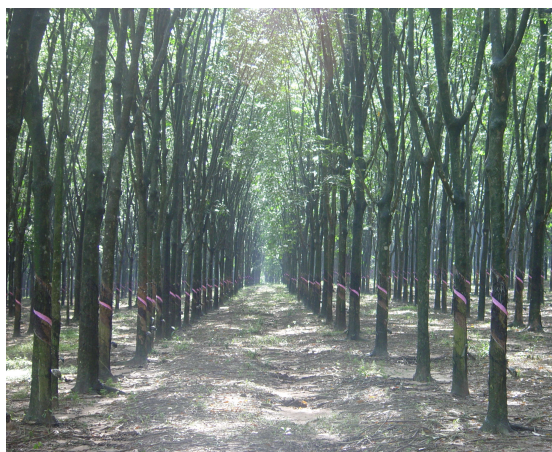
Các dự án công ty đầu tư

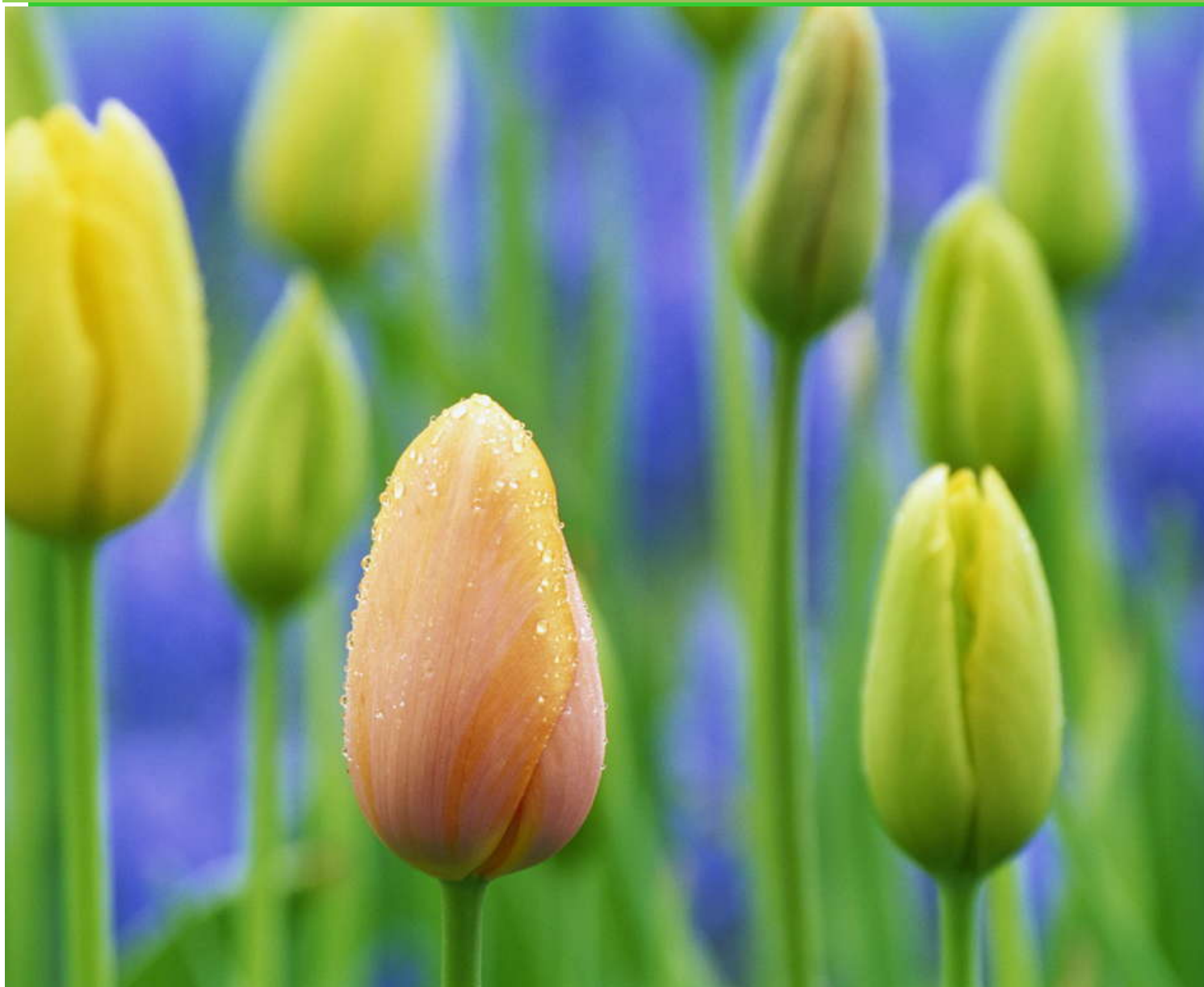
Địa chỉ :	Tỉnh Kontum
Vốn điều lệ:	160 tỷ
Tỷ lệ vốn góp so với VDL :	15%
Hiện tại công ty đang trong giai đoạn triển khai dự án. Năm 2009, công ty CP cao su Phước Hòa đã góp 7,8 tỷ đồng.	
11. Dự án phát triển nguồn nguyên liệu gỗ trầm Long An	
Tên công ty:	Công ty cổ phần VRG Long An
Địa chỉ :	Tỉnh Long An
Vốn điều lệ:	77 tỷ
Tỷ lệ vốn góp so với VDL :	5%
- Hiện tại dự án đang trong giai đoạn triển khai dự án.	
12. Dự án khu công nghiệp Tân Bình (Bình Dương)	
Địa chỉ :	Xã Tân Bình, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Vốn điều lệ:	100 tỷ
Tỷ lệ vốn góp so với VDL :	60%
- Hiện tại dự án đang trong giai đoạn chờ chính phủ phê duyệt.	
13. Dự án khu dân cư Phước Hòa	
Địa chỉ :	Xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
Vốn đầu tư:	70 tỷ
Tỷ lệ vốn góp:	100%
- Số vốn đầu tư lũy kế đến thời điểm 31.12.2009 : 46,122 tỷ đồng - Khu dân cư Phước Hòa bao gồm 2 khu : Khu Đông và Khu Tây. Hiện tại khu Tây đã hoàn chỉnh được 100% khối lượng công việc. Công ty đã bàn giao nền nhà cho khách	

hàng. Khu Đông đã thi công tiến độ khoảng 90% khối lượng. Trong năm 2010, sẽ hoàn thành toàn bộ cơ sở hạ tầng của Khu dân cư Phước Hòa.

- Năm 2009 công ty đã kết chuyển lãi 12 tỷ đồng. Dự kiến năm 2010 sẽ kết chuyển lãi 10 tỷ đồng.

- Năm 2010, công ty đang lập dự án triển khai khu dân cư tại nông trường Tân Hưng (12 ha) và KDC tại nông trường Lai Uyên (10 ha).





CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU PHƯỚC HÒA

Trụ sở : ấp 2A, xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
Điện thoại : 0650.3657.111 – 0650.3657.106 Fax : 0650.3657.110
Website : www.phuruco.vn; www.phuochoa.com.vn
Email : phuochoarubber@hcm.vnn.vn